

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	10
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	10
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	12
Mở đầu	12
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	13
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác	15
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	17
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	19
Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học	22
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	23
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	25
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	27
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	28
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	30
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	33
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	34
Mở đầu	34
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	34

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	36
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	39
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	41
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	43
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	43
Mở đầu	43
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập	44
Tiêu chí 3.2: Phòng học	46
Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị	48
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	49
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	51
Tiêu chí 3.6: Thư viện	54
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	56
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	57
Mở đầu	57
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	57
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	59
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	62
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	62
Mở đầu	62
Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường	63
Tiêu chí 5.2: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	65
Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác	68
Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học	70

Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục	72
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	73
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	74
Phần IV. PHỤ LỤC	76

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x		
Tiêu chí 1.4		x	x	
Tiêu chí 1.5		x		
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x		
Tiêu chí 1.8		x		
Tiêu chí 1.9		x		
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x		
Tiêu chí 2.2		x		
Tiêu chí 2.3		x		
Tiêu chí 2.4		x	x	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x		

Tiêu chí 3.2		x		
Tiêu chí 3.3		x		
Tiêu chí 3.4		x		
Tiêu chí 3.5		x		
Tiêu chí 3.6		x	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x		
Tiêu chí 4.2		x		
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x		
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	x

Kết quả: Đạt Mức 1.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 1.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Tiểu học Trần Văn Ôn

Tên trước đây: Phổ thông cơ sở cấp 1 Trần Văn Ôn

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân quận Tân Bình

Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh	Họ và tên Hiệu trưởng	Hồ Thị Trúc Linh
Huyện/ quận/ thị xã/ thành phố	Tân Bình	Điện thoại	0982062141
Xã/ phường/ thị trấn	8	Fax	Không
Đạt CQG	Không	Website	http://thtranvanontanbinh.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1986	Số điểm trường	02
Công lập	Có	Loại hình khác	Không
Tư thực	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường chuyên biệt	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
Khối lớp 1	05	04	04	04	05
Khối lớp 2	06	05	04	04	04
Khối lớp 3	05	05	05	04	04
Khối lớp 4	04	04	05	05	04
Khối lớp 5	04	04	04	05	05
Cộng	24	22	22	22	22

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	19	19	19	19	19	
1	Phòng học	17	17	17	17	17	
a	Phòng kiên cố	17	17	17	17	17	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
2	Phòng học bộ môn	01	01	01	01	01	Phòng tin học
a	Phòng kiên cố	01	01	01	01	01	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
3	Khối phục vụ học tập	01	01	01	01	01	Phòng hoạt động Đội
a	Phòng kiên cố	01	01	01	01	01	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	

II	Khối phòng hành chính - quản trị	05	05	05	05	05	
1	Phòng kiên cố	03	03	03	03	03	
2	Phòng bán kiên cố	02	02	02	02	02	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
III	Thư viện	01	01	01	01	01	
IV	Thiết bị	00	00	00	00	00	
	Cộng	25	25	25	25	25	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: Tháng 6 năm 2024 (viên chức)

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	00	00	00	01	
Phó Hiệu trưởng	01	00	00	00	01	00	
Giáo viên	29	24	01	00	28	01	
Nhân viên	03	03	00	00	03	00	
Cộng	34	27	01	00	32	02	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024
1	Tổng số giáo viên	29	26	26	28	29
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	29/24 = 1,2	26/22 = 1,18	26/22 = 1,18	28/22 = 1,27	29/22 = 1,32
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	29/754 = 0,04	26/775 = 0,03	26/783 = 0,03	28/757 = 0,04	29/684 = 0,04
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện và tương đương	00	00	00	01	01
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	00	00	00	00	00

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Năm học 2023- 2024	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	754	775	783	757	684	
	- Nữ	374	382	391	375	330	
	- Dân tộc thiểu số	13	14	13	15	13	
	- Khối lớp 1	152	135	148	135	123	
	- Khối lớp 2	169	164	127	143	130	
	- Khối lớp 3	165	194	162	131	142	
	- Khối lớp 4	123	160	189	156	129	
	- Khối lớp 5	145	122	157	192	160	
2	Tổng số mới tuyển	152	135	148	135	123	
3	Học 2 buổi/ngày	0	200	340	144	187	
4	Bán trú	0	148	214	329	406	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/ lớp học	31,4	35,2	35,6	34,4	31,1	
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	754 100%	775 100%	783 100%	757 100%	684 100%	
	- Nữ	374	382	391	375	330	
	- Dân tộc thiểu số	13	14	13	15	13	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/ tỉnh	0	0	0	0	0	
9	Tổng số học sinh giỏi cấp	0	0	0	0	0	

	quốc gia						
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	0	0	0	0	0	
	- Nữ	0	0	0	0	0	
	- Dân tộc thiểu số	13	14	13	14	13	
11	Tổng số học sinh có hoàn cảnh đặc biệt (Khuyết tật)	9	11	11	12	12	
	Các số liệu khác	0	0	0	0	0	

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023	Năm học 2023-2024	Ghi chú
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	152/152 = 100%	135/135 = 100%	148/148 = 100%	135/135 = 100%	123/123 = 100%	
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	750/754 = 99,5%	774/775 = 99,9%	780/783 = 99,6%	755/757 = 99,7%	682/684 = 99,7%	
Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	145/145 = 100%	122/122 = 100%	157/157 = 100%	192/192 = 100%	160/160 = 100%	
Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100%	100%	100%	100%	100%	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Tiểu học Trần Văn Ôn có hai điểm trường, điểm trường 01 tọa lạc tại địa chỉ số 54, đường Duy Tân, Phường 8, quận Tân Bình; điểm trường 02 tọa lạc tại địa chỉ số 373/52, đường Lý Thường Kiệt, Phường 8, quận Tân Bình. Trường được thành lập theo Quyết định 03/QĐ-UB ngày 07 tháng 01 năm 1986 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển, đặc biệt là trong giai đoạn đổi mới giáo dục và thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, nhà trường liên tục củng cố, hoàn thiện bộ máy và thể chế lãnh đạo quản lý của nhà trường. Cán bộ quản lý có tinh thần trách nhiệm, năng động và không ngừng phát huy quyền chủ động sáng tạo của các tổ chức đoàn thể, từng bước nâng cao chất lượng dạy và học, xây dựng môi trường sư phạm xanh - sạch - đẹp. Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn thể hiện tinh thần đoàn kết, có trách nhiệm, năng động, sáng tạo. Tất cả giáo viên đều yêu nghề, mến trẻ, luôn học hỏi, tìm tòi và vận dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phát huy tính tích cực của học sinh. Chất lượng học sinh ngày càng chuyển biến: học sinh tự tin, có kỹ năng ứng xử trong cuộc sống, nắm kiến thức, vận dụng vào thực hành tốt và sống nhân ái. Nhà trường nhận được sự tin nhiệm cao của cha mẹ học sinh.

Chi bộ có nhiều đảng viên được tuyên dương có thành tích tốt trong các hội thi. Liên đội là đơn vị xuất sắc nhiều năm liền trong công tác Đội và phong trào thiếu nhi, nhận nhiều bằng khen cấp cao. Chi đoàn là tập thể thống nhất, luôn xung kích trong các hoạt động, đạt nhiều thành tích và được Đoàn Phường biểu dương qua các năm. Công đoàn chăm lo tốt công đoàn viên, đảm bảo các hoạt động đúng theo yêu cầu của Liên đoàn Lao động quận Tân Bình.

Mục tiêu: chất lượng giáo dục ngày càng nâng cao. Học sinh thực sự năng động, biết tự học, tự chủ tự tin trong giao tiếp, tập trung vào phát triển các năng lực và phẩm chất từng học sinh, tạo được uy tín với phụ huynh.

Tầm nhìn: Ngôi trường Tiểu học Trần Văn Ôn là nơi giáo viên và học sinh biết quan tâm và có lòng nhân ái; là cộng đồng những người đoàn kết, hợp tác, xây dựng tập thể vững mạnh và phát triển.

Sứ mạng: Tạo dựng được môi trường học tập nề nếp, kỷ cương, giàu tình thương yêu, có chất lượng giáo dục, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển khả năng sẵn có của mình.

2. Mục đích tự đánh giá

Mục đích của công tác tự đánh giá là giúp nhà trường xác định điểm mạnh, điểm yếu, mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn. Từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến, góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường để cơ quan quản lý Nhà nước đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

3. Tóm tắt quá trình tự đánh giá và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Trong quá trình tự đánh giá, Hội đồng Tự đánh giá của trường đã triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục đến toàn thể các thành viên trong Hội đồng Giáo dục nhà trường; yêu cầu các bộ phận, đoàn thể, cá nhân phối hợp cùng thực hiện.

Các văn bản hướng dẫn công tác kiểm định chất lượng gồm:

- Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học;

- Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông;

- Quyết định số 59/QĐ-TVO ngày 01 tháng 04 năm 2024 của trường Tiểu học Trần Văn Ôn về việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá của trường gồm 14 thành viên.

Hội đồng Tự đánh giá nhà trường đã xây dựng và thực hiện kế hoạch tự đánh giá. Báo cáo tự đánh giá của nhà trường có bố cục trình bày rõ ràng theo đúng trình tự của bộ tiêu chuẩn quy định. Tất cả các tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ báo được nhà trường mô tả cụ thể theo từng mức. Khi xác định điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, trường luôn bám sát nội hàm và đúng với thực tế của đơn vị. Trên cơ sở đó, trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến theo mốc thời gian cụ thể và ưu tiên cho từng lĩnh vực nhằm từng bước nâng cao chất lượng giáo dục.

Trong quá trình tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá của nhà trường đã triển khai đầy đủ thông tư, công văn liên quan công tác kiểm định chất lượng giáo dục đến toàn thể các thành viên trong hội đồng sư phạm nhà trường, yêu cầu các bộ phận, đoàn thể, cá nhân phối hợp cùng thực hiện.

Nhà trường hoàn thành báo cáo tự đánh giá, căn cứ theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, nhà trường tiến hành công khai theo quy định.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Tiểu học Trần Văn Ôn có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Trường thành lập đầy đủ các hội đồng với đủ cơ cấu, thực hiện đúng chức năng và quyền hạn theo quy định. Các đoàn thể trong trường gồm: Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng hoạt động đúng vai trò và chức năng theo quy định.

Năm học 2023-2024, trường có 22 lớp trong đó có 19 lớp học 02 buổi/ngày. Tổng số học sinh là 684 em. Mỗi khối lớp đều được bố trí giáo viên chủ nhiệm hợp lý. Trường có giáo viên dạy bộ môn như thể dục, âm nhạc, ngoại ngữ, tin học. Số học sinh trung bình mỗi lớp là 31 học sinh và đều có ban cán sự lớp.

Tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động có nề nếp, đáp ứng tốt việc thực hiện các nhiệm vụ của tổ theo quy định.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) *Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

c) *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết lại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) *Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2026 phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Điều 2 của Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019, với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và đặc điểm riêng về nguồn lực của nhà trường. Mục tiêu của việc xây dựng chiến lược nhằm từng bước nâng cao chất lượng, uy tín trong*

giảng dạy của trường đáp ứng xu thế hội nhập của đất nước; chú trọng phát triển toàn diện học sinh và giữ gìn bản sắc dân tộc [H1-1.1-01].

b) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình phê duyệt ngày 06 tháng 01 năm 2022 [H1-1.1-01].

c) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường được công khai bằng hình thức niêm yết tại bảng tin, công khai tại phòng giáo viên nhà trường [H1-1.1-02].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường có xây dựng kế hoạch đề ra những giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển theo từng giai đoạn [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04]. Nhà trường có sơ kết, tổng kết định kì để đánh giá quá trình thực hiện, các báo cáo đều được công khai trên hệ thống bảng thông báo và được công khai qua các buổi họp Hội đồng sư phạm [H1-1.1-05].

Mức 3:

Nhà trường có thực hiện việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung trong phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường với sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh. Tuy nhiên, công tác này chưa được nhà trường thực hiện thường xuyên [H1-1.1-03].

2. Điểm mạnh

Chiến lược phát triển nhà trường đã đề ra các giải pháp phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.

3. Điểm yếu

Trường chưa thực hiện thường xuyên việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung trong phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường thể hiện qua kế hoạch hằng năm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo, trong buổi họp Hội đồng trường vào đầu năm học, hiệu trưởng lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng trường để xây dựng kế hoạch định kì thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung chiến lược phát triển trên cơ sở tham mưu, đề xuất với Hội đồng trường.

Cuối mỗi năm học, hiệu trưởng phối hợp với các tổ chức, đoàn thể: Chi bộ, Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội, Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường và các tổ chức, đoàn thể địa phương đóng góp cho nội dung kế hoạch chiến lược bằng cách thông qua các cuộc họp, thảo luận lấy ý kiến.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) *Được thành lập theo quy định;*
- b) *Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) *Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trường được thành lập theo quyết định 303/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 và được kiện toàn theo quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình [H1-1.2-01]. Vào đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập hội đồng Thi đua - Khen thưởng [H1-1.2-02] và các hội đồng tư vấn khác như: Hội đồng tuyển sinh [H1-1.2-03]; Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm [H1-1.2-04], Hội đồng ra đề, coi và chấm kiểm tra [H1-1.2-05].

b) Hội đồng trường thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 28/2010/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học, Hội đồng Thi

đua - Khen thưởng hoạt động hiệu quả, thúc đẩy được các hoạt động, các phong trào thi đua từ công tác chuyên môn đến các hoạt động văn thể mỹ của nhà trường, hội đồng chăm sóc kiến kinh nghiệm, hội đồng ra đề, coi và chấm kiểm tra, hội đồng tuyển sinh thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

c) Định kỳ cuối học kỳ và cuối năm học, nhà trường đều tổ chức rà soát, đánh giá hoạt động của các hội đồng để rút kinh nghiệm và bổ sung những vấn đề phát sinh đổi mới cũng như cập nhật kịp thời những quy định mới của pháp luật [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H1-1.2-06].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động hiệu quả, thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn trong việc tham mưu, đề xuất cho hiệu trưởng trong các công tác có liên quan. Các nội dung có liên quan đều được đưa ra hội đồng thảo luận, bàn bạc và thông qua, đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, minh bạch. Qua đó góp phần cùng nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, góp phần đưa chất lượng giáo dục chung của trường được nâng cao [H1-1.1-04]. Tuy nhiên, trường vẫn còn vài thành viên chưa mạnh dạn phát biểu ý kiến trong các cuộc họp [H1-1.2-06].

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, hoạt động hiệu quả, thúc đẩy được các hoạt động, các phong trào thi đua của nhà trường.

3. Điểm yếu

Một vài thành viên trong nhà trường chưa mạnh dạn phát biểu ý kiến trong các cuộc họp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, cán bộ quản lý tăng cường công tác đối thoại, trao đổi, thu thập ý kiến đóng góp từ các thành viên nhà trường, đồng thời định hướng, gợi ý các nội dung cần đóng góp ý kiến trong các buổi họp. Chủ tịch hội đồng trường tiếp tục duy trì hiệu quả hoạt động của hội đồng trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tổ chức Công đoàn của nhà trường hiện có 35 công đoàn viên chia làm 03 tổ công đoàn, Ban Chấp hành Công đoàn gồm 03 thành viên [H1-1.3-01]. Chi đoàn giáo viên của trường có 07 đoàn viên, được sự chỉ đạo trực tiếp của Chi bộ nhà trường để tổ chức mọi hoạt động cho đoàn viên và hướng dẫn Liên đội thực hiện các hoạt động tập thể như văn nghệ, thể dục thể thao, các phong trào thi đua, các cuộc thi do Hội đồng Đội tổ chức [H1-1.3-02].

Liên đội trường có 431 đội viên. Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh có 253 em [H1-1.3-03]. Chi hội Khuyến học nhà trường gồm 34 thành viên [H1-1.3-04].

b) Công đoàn, Chi đoàn, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác hoạt động theo quy định của pháp luật và điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục [H1-1.3-05].

c) Định kì mỗi năm các tổ chức Công đoàn, Chi đoàn, Đội Thiếu niên Tiền phong, Sao Nhi đồng đều tổ chức họp sơ kết, tổng kết các hoạt động và đề ra phương hướng nhiệm vụ cho năm học tiếp theo [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08].

Mức 2:

a) Nhà trường có tổ chức Chi bộ Đảng gồm 16 đồng chí, chiếm tỉ lệ 47,05% tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường [H1-1.3-09].

Chi bộ Đảng thực hiện việc sinh hoạt định kì theo đúng Điều lệ Đảng để thực hiện đánh giá các kết quả đạt được trong công tác chỉ đạo và tiếp tục đề ra những nhiệm vụ nhằm chỉ đạo, định hướng các hoạt động của chính quyền và các tổ chức đoàn thể theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước [H1-1.3-10]; [H1-1.3-11].

Năm 2019, Chi bộ được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ do có Đảng viên sinh con thứ ba. Năm 2020, Chi bộ được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ do có Đảng viên là quản lý vi phạm tài chính. Năm 2021, Chi bộ được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ do có Đảng viên bị kỷ luật theo quyết định. Năm 2022 và 2023, chi bộ được đánh giá là hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu biểu [H1-1.3-12].

b) Các tổ chức Công đoàn, Chi đoàn và Liên đội đóng góp tích cực cho các hoạt động nhằm hoàn thành nhiệm vụ chung của nhà trường như công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ hằng tháng; sinh hoạt ý nghĩa các ngày lễ lớn trong tháng; tổ chức các hoạt động đền ơn đáp nghĩa; tổ chức các hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn trong tháng [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08]; [H1-1.3-13].

Mức 3:

a) Năm 2019, Chi bộ được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ do có Đảng

viên sinh con thứ ba. Năm 2020, Chi bộ được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ do có Đảng viên là quản lý vi phạm tài chính. Năm 2021, Chi bộ được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ do có Đảng viên bị kỷ luật theo quyết định. Năm 2022 và 2023, chi bộ được đánh giá là hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiêu biểu [H1-1.3-12].

b) Tổ chức Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội tham gia đóng góp ý kiến, tham mưu, đề xuất vào các kế hoạch và cùng tham gia vào các hoạt động của nhà trường. Tuy nhiên, hoạt động của tổ chức Đoàn chưa có nhiều mô hình sáng tạo để góp sức chung vào nhiệm vụ giáo dục học sinh [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh

Các tổ chức đoàn thể khác đã phối hợp tốt cùng nhà trường thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Chi bộ đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Hoạt động của tổ chức Đoàn chưa có tính sáng tạo, chủ động cao trong các hoạt động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, Bí thư Chi bộ giao nhiệm vụ cụ thể cho tổ chức Đoàn cũng như phân công đảng viên phụ trách theo dõi, giúp đỡ để tổ chức Đoàn trong nhà trường có những đổi mới thiết thực, sáng tạo trong hoạt động nhằm đạt được các kết quả cao hơn và góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh.

Trong sinh hoạt đảng định kỳ, Đảng viên thực hiện thảo luận sâu những biểu hiện suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống để Đảng viên rèn luyện và bồi dưỡng phẩm chất, giữ gìn uy tín Đảng viên.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Tiểu học Trần Văn Ôn có 02 cán bộ quản lý gồm 01 hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng, đảm bảo số lượng theo đúng quy định tại Điều 11 của Điều lệ trường tiểu học và Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm [H1-1.4-01].

b) Trường có các tổ chuyên môn từ khối lớp 1 đến khối lớp 5, tổ tiếng Anh và tổ văn phòng. Mỗi tổ đều có tổ trưởng theo Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ trường tiểu học. Tổ văn phòng gồm các nhân viên văn thư, kế toán, bảo vệ, phục vụ. Các tổ trưởng đều được hiệu trưởng phân công bổ nhiệm vào đầu năm học [H1-1.4-02].

c) Các tổ trưởng chuyên môn và tổ văn phòng đều có xây dựng kế hoạch hoạt động đầy đủ theo quy định, đảm bảo sinh hoạt định kỳ 02 tuần/lần [H1-1.1-03]; [H1-1.4-03]. Các thành viên trong tổ đều có sổ ghi chép nội dung các cuộc họp tổ chuyên môn và thể hiện ý kiến đóng góp giải quyết tình huống trong công việc [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05].

Mức 2:

a) Hằng năm, bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch và thực hiện từ 03 đến 05 chuyên đề, thao giảng/năm để nâng cao chất lượng dạy và học. Các tổ chuyên môn tham gia tốt các chuyên đề cấp quận, có góp ý, đánh giá, rút kinh nghiệm trao đổi học tập lẫn nhau qua từng chuyên đề [H1-1.4-06].

b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được rà soát qua các buổi họp giao ban định kì 02 tuần/lần. Tổ trưởng báo cáo những hoạt động đã thực hiện và nêu ra những khó khăn vướng mắc, các thành viên trong tổ tham gia góp ý kiến trở thành nghị quyết chung để cùng nhau thực hiện. [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05].

Mức 3:

a) Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các tổ chuyên môn đã có những hoạt động hiệu quả như xây dựng và thực hiện kế hoạch; phối hợp với các tổ chức trong nhà trường triển khai thực hiện các phong trào thi đua dạy tốt - học tốt; bồi dưỡng đội ngũ trong tổ; tham mưu cho hiệu trưởng góp phần cùng nhà trường thực hiện nhiệm vụ chính trị tại đơn vị, qua đó nâng cao chất lượng giáo dục của trường. Tuy nhiên, do số lượng người trong tổ văn phòng ít nên hoạt động của tổ văn phòng đôi khi chưa thực sự đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.1-03]; [H1-1.4-03].

b) Các hoạt động chuyên đề của tổ chuyên môn được thực hiện hiệu quả. [H1-1.4-06].

2. Điểm mạnh

Các tổ hoạt động hiệu quả, thực hiện tốt nhiệm vụ của tổ theo quy định. Các tổ chuyên môn đã tổ chức tốt các chuyên đề, từ đó cùng nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục chung.

3. Điểm yếu

Hoạt động của tổ văn phòng đôi lúc chưa thực sự đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn tiếp tục thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của tổ, đẩy mạnh việc thực hiện các chuyên đề

về đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học phát huy tính chủ động sáng tạo của học sinh. Hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng phụ trách, chỉ đạo tổ văn phòng hoạt động hiệu quả, tổ chức các chuyên đề bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho từng bộ phận của tổ.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học

Mức 1:

- a) *Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;*
- b) *Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) *Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ*

Mức 2:

- a) *Trường không quá 30 (ba mươi) lớp;*
- b) *Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;*
- c) *Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Nhà trường có đủ các khối lớp từ 1 đến 5 theo quy định của Điều lệ trường tiểu học [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

- b) Mỗi lớp học đều có 01 lớp trưởng và 02 lớp phó; mỗi lớp học được chia thành các tổ học sinh; mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó. Các lớp học được tổ chức theo đúng quy định [H1-1.5-03].

- c) Lớp học được hoạt động trên nguyên tắc tự quản, dân chủ. Ban cán sự lớp được luân phiên thay đổi trong năm học thúc đẩy hoạt động học tập và phong trào của lớp đạt hiệu quả cao [H1-1.5-03].

Mức 2:

- a) Năm học 2023-2024 trường có 22 lớp [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

- b) Trường có tất cả 22 lớp học, sĩ số thấp nhất là 19 học sinh và cao nhất là 40 học sinh, số học sinh bình quân: 31 học sinh/lớp [H1-1.5-02].

c) Sĩ số học sinh trung bình mỗi lớp không đông tạo điều kiện cho việc tổ chức lớp học linh hoạt. Tuy nhiên, sĩ số học sinh giữa các lớp không đồng đều vì trường có nhiều loại hình giáo dục như: lớp tiếng Anh tăng cường, tiếng Anh đề án, lớp bán trú, lớp hai buổi, ... nên ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động giáo dục [H1-1.5-04].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ các khối lớp, lớp học được tổ chức theo quy định và hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

3. Điểm yếu

Sĩ số các lớp chưa đồng đều. Năm học 2024-2025, trường vẫn còn 07 lớp trên 35 học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, hiệu trưởng nhà trường chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm tiếp tục tổ chức hoạt động lớp theo quy định, đảm bảo nguyên tắc tự quản, dân chủ phù hợp với hoạt động giáo dục; đồng thời chủ động sắp xếp sĩ số học sinh giữa các lớp sao cho hợp lý và tương đối đồng đều.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đầy đủ các hồ sơ hành chính, tài chính và tài sản được lưu trữ theo quy định tại các phòng làm việc của người phụ trách: sổ đăng bộ [H1-1.5-01], sổ quản lý các văn bản, công văn [H1-1.6-01], sổ theo dõi kết quả kiểm tra, đánh giá học sinh [H1-1.6-02], học bạ của học sinh [H1-1.6-03], sổ quản lý tài sản, theo dõi công cụ, dụng cụ, vật rẻ tiền, mau hỏng [H1-1.6-04], sổ theo dõi tài sản, tài chính [H1-1.6-05].

b) Hằng năm, nhà trường đều có lập dự toán thu chi được lãnh đạo phê duyệt, công tác quyết toán thống kê báo cáo tài chính và cơ sở vật chất chính xác và kịp thời. Hằng tháng, bộ phận kế toán có công khai tài chính trong cuộc họp Hội đồng sư phạm và ở bảng tin [H1-1.2-06]. Đầu năm học, hiệu trưởng ban hành kế hoạch kiểm tra nội bộ để tự kiểm tra tài chính, tài sản [H1-1.6-06]. Quy chế chi tiêu nội bộ được lấy ý kiến trong hội nghị cán bộ công chức để bổ sung cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và quy định hiện hành [H1-1.6-07].

c) Quản lý sử dụng tài chính, tài sản được thực hiện theo đúng nguyên tắc, tiết kiệm, việc thu chi đảm bảo tính nguyên tắc tài chính, chứng từ hợp lệ, cơ sở vật chất của nhà trường được quản lý chặt chẽ, không để thất thoát, phục vụ tích cực và có hiệu quả cho tất cả các hoạt động giảng dạy, học tập và giáo dục của nhà trường [H1-1.6-05]; [H1-1.6-08].

Mức 2:

a) Công nghệ thông tin được nhà trường khai thác tối đa, phục vụ hiệu quả cho công tác quản lý, trường đã nối mạng Internet, quản lý nhân sự theo mạng của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, phần mềm kế toán IMAS,

cổng thông tin điện tử nhà trường. Trường thực hiện tốt việc cập nhật các nội dung trên trang thông tin điện tử [H1-1.6-09]; [H1-1.6-10].

b) Trong năm 2020, trường có vi phạm trong công tác quản lý tài chính. Các năm còn lại, nhà trường thực hiện đúng quy định công tác quản lý hành chính, tài chính [H1-1.6-11]; [H1-1.6-12].

Mức 3:

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện việc quản lý tài chính đúng quy định, đảm bảo công khai, minh bạch. Hồ sơ sổ sách tài chính cập nhật kịp thời, lưu trữ đầy đủ.

3. Điểm yếu

Năm 2020, nhà trường có vi phạm về công tác tài chính. Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, hiệu trưởng chỉ đạo nhân viên kế toán thường xuyên cập nhật các văn bản liên quan công tác tài chính mới và tham mưu hiệu trưởng quản lý các khoản thu, chi đúng quy định, tuyệt đối không để xảy ra sai phạm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, hiệu trưởng xây dựng và thực hiện 01 kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; 01 kế hoạch bồi dưỡng cho cán bộ giáo viên chưa đủ chuẩn trình độ đào tạo. Các kế hoạch này góp phần nâng cao trình độ tay nghề cho đội ngũ, nâng cao dần chất lượng giáo dục chung của đơn vị [H1-1.7-01].

b) Trường thực hiện tốt việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hợp lý, rõ ràng [H1-1.7-02]. Việc phân công nhiệm vụ được thực hiện và thông báo công khai trong buổi họp hội đồng sư phạm nhà trường ngay từ đầu năm học [H1-1.2-06]. Nguyên tắc phân công dựa trên cơ sở năng lực, bằng cấp của từng cá nhân, nhờ vậy nhận được sự đồng tình cao của hội đồng sư phạm và đảm bảo được hiệu quả các hoạt động của nhà trường [H1-1.2-06]; [H1-1.7-03].

c) Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để giáo viên thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh, giáo viên được tạo điều kiện học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kịp thời khen thưởng các cá nhân đạt thành tích cao trong các hoạt động giáo dục [H1-1.6-07].

Mức 2:

Để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hằng năm nhà trường đều xây dựng kế hoạch, đưa ra những biện pháp để phát huy tính tích cực của đội ngũ trong việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. Trường chưa có nguồn kinh phí để hỗ trợ, khuyến khích giáo viên trong việc tự học nâng cao trình độ [H1-1.7- 01].

2. Điểm mạnh

Việc phân công cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hợp lý, đảm bảo tốt hiệu quả các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Trường chưa có nguồn kinh phí để hỗ trợ, khuyến khích giáo viên trong việc tự học nâng cao trình độ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2024 và các năm tiếp theo, hiệu trưởng tạo điều kiện thuận lợi và xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ có nội dung hỗ trợ một phần kinh phí cho cán bộ giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, chính trị, bồi dưỡng tin học, ngoại ngữ.

Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Đầu năm học, trường xây dựng kế hoạch giáo dục, quản lý các hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp phù hợp với quy định hiện hành. Các kế hoạch được xây dựng dựa trên các văn bản chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo và điều kiện thực tế, kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học trước của nhà trường. Kế hoạch giáo dục là định hướng cho mọi hoạt động giáo dục của nhà trường trong suốt năm học [H1-1.8-01].

b) Các hoạt động giáo dục chính khóa, ngoài giờ lên lớp trong kế hoạch giáo dục được nhà trường quan tâm và được triển khai toàn diện, phù hợp với đặc điểm tâm lý học sinh tiểu học, góp phần rèn luyện phẩm chất đạo đức, phát triển năng lực của mỗi cá nhân học sinh [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03].

c) Hằng tháng, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng tổ chức rà soát đánh giá kế hoạch giáo dục để điều chỉnh kịp thời rút kinh nghiệm trong tập thể sư phạm nhà trường [H1-1.2-06].

Mức 2:

Kế hoạch giáo dục của nhà trường thể hiện các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra đánh giá phù hợp, được lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo duyệt. Tuy nhiên, ở một số nội dung hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp tổ chức có lúc chưa phong phú, chưa thu hút được tất cả học sinh toàn trường tham gia [H1-1.8-01].

2. Điểm mạnh

Trường có các kế hoạch giáo dục ngoài giờ lên lớp, kế hoạch giáo dục truyền thống lịch sử địa phương, kế hoạch chuyên môn, ... Các kế hoạch đều được Hội đồng sư phạm nhà trường bàn bạc, thống nhất, thể hiện sự sáng tạo trong tổ chức thực hiện, phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế của địa phương và nhà trường.

3. Điểm yếu

Nội dung tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp có lúc chưa phong phú, chưa thu hút được tất cả học sinh toàn trường tham gia.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng và phối hợp các tổ chức đoàn thể trong nhà trường cùng tổ chức tốt các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp để thu hút học sinh tham gia.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có xây dựng quy chế dân chủ tại đơn vị, tất cả các kế hoạch hoạt động đều được đưa ra để mọi người bàn bạc, thảo luận trước khi thực hiện; cá nhân, tổ chức trong nhà trường thực hiện đúng các quy định của Quy chế dân chủ; Ban Thanh tra nhân dân phát huy tốt vai trò kiểm tra, giám sát của mình trong các hoạt động của nhà trường [H1-1.9-01].

b) Hiệu trưởng phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn nhà trường tổ chức đối thoại; tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức đúng quy định của Nhà nước; các ý kiến và kiến nghị của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường về các vấn đề như chế độ tham quan nghỉ dưỡng hè, chế độ thi đua khen thưởng đều được đưa ra thảo luận công khai, minh bạch trước toàn trường. Bên cạnh đó Hiệu trưởng thường xuyên tổ chức triển khai Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo cho cán bộ, giáo viên, nhân viên quán triệt và thực hiện nên nhà trường không có khiếu nại tố cáo [H1-1.9-02].

c) Hằng năm, nhà trường đều thực hiện sơ kết, tổng kết báo cáo quy chế dân chủ cơ sở đúng theo quy định [H1-1.1-05]; [H1-1.3-06]; [H1-1.9-01].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, đề ra và thực hiện các biện pháp giám sát, đảm bảo tính công khai, minh bạch, hiệu quả. Tất cả nội dung đều được đưa ra Hội đồng sư phạm trường thảo luận và lấy ý kiến của cán

bộ, giáo viên, nhân viên. Ban Thanh tra nhân dân có các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. Tuy nhiên, trong một số cuộc họp vẫn còn vài cá nhân chưa mạnh dạn tham gia đóng góp ý kiến [H1-1.6-12]; [H1-1.9-02].

2. Điểm mạnh

Trường thực hiện tốt quy chế dân chủ tại đơn vị, tạo điều kiện cho từng cá nhân trong trường được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến. Tất cả nội dung đều được đưa ra thảo luận công khai và lấy ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường gắn liền với việc bảo đảm sự lãnh đạo của chi bộ Đảng ở nhà trường; chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ; phát huy vai trò của Hiệu trưởng và của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Một vài cá nhân chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến khi tham gia bàn bạc, thảo luận xây dựng các quy chế trong nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng phối hợp với các bộ phận tạo điều kiện, khuyến khích, hướng dẫn cán bộ, giáo viên, nhân viên đóng góp ý kiến vào nhiệm vụ phát triển của nhà trường dưới nhiều hình thức như trực tiếp lắng nghe, tiếp nhận phiếu góp ý.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có xây dựng các phương án theo quy định như phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ [H1-1.10-01]; phương án xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích [H1-1.10-02]; kế hoạch về việc đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm trong trường học [H1-1.10-03]; phương án phòng chống ngộ độc thực phẩm [H1-1.10-04]; giấy xét nghiệm nước [H1-1.10-05]; hợp đồng cung cấp nước uống [H1-1.10-06]; kế hoạch tuyên truyền, phòng chống dịch bệnh học đường [H1-1.10-07]; hồ sơ khám sức khỏe học sinh [H1-1.10-08]. Trường có tổ chức bán trú cho học sinh hợp đồng đầy đủ và rõ ràng với đơn vị cung cấp suất ăn công nghiệp với đủ các loại hợp đồng cung cấp thực phẩm, giấy phép đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-09]. Trường không xảy ra dịch bệnh, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm trong thời gian qua [H1-1.10-10].

b) Trường đặt hòm thư góp ý và công khai lịch tiếp dân, kịp thời tiếp nhận, xử lý các thắc mắc của người dân để học sinh và cha mẹ học sinh thuận lợi trong việc đóng góp ý kiến và phản ánh khi cần thiết, đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường [H1-1.10-11].

c) Nhà trường thường xuyên tổ chức tuyên truyền, giáo dục về giới tính, phòng chống bạo lực học đường cho học sinh; không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực xảy ra trong nhà trường [H1-1.10-12].

Mức 2:

a) Các phương án, kế hoạch về an ninh trật tự, vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống tai nạn, thương tích, ... đã được tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong các buổi họp hội đồng sư phạm, trong các buổi sinh hoạt chào cờ đầu tuần. Nhà trường cũng thường xuyên giáo dục, nhắc nhở học sinh việc đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông trên đường bằng phương tiện xe máy, không mua quà rong trước cổng trường cũng như tại các hàng quán không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, vẫn còn tỉ lệ học sinh hưởng ứng chưa thường xuyên về các nội dung này [H1-1.10-12].

b) Hằng tuần, trong các buổi sinh hoạt dưới cờ, tổng phụ trách Đội thường xuyên đánh giá việc thực hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn những biểu hiện sai lệch của học sinh kịp thời [H1-1.10-13].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện các quy định và xây dựng phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội trong trường học. Nhà trường bảo đảm an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường theo quy định hiện hành tại Điều lệ trường tiểu học.

Không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Việc học sinh đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe gắn máy vẫn chưa tốt. Trường vẫn còn tình trạng học sinh mua quà rong trước cổng trường vào đầu giờ học và giờ ra về.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024-2025, hiệu trưởng tổ chức cho cha mẹ học sinh ký bản cam kết thực hiện tốt Luật An toàn giao thông, đảm bảo các nội dung như: không chạy xe ngược chiều; đội mũ bảo hiểm cho trẻ khi ngồi trên xe máy; phối hợp với giáo viên chủ nhiệm để nhắc nhở học sinh.

Trong năm học 2024-2025, hiệu trưởng đề xuất, phối hợp với Ủy ban nhân dân Phường 8 giải quyết trình trạng buôn bán hàng rong.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường có đầy đủ các kế hoạch phát triển nhà trường và thực hiện tốt việc quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý học sinh theo Điều lệ trường tiểu học; quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo đúng quy định của Luật Cán bộ công chức, Luật Viên chức.

Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, phát huy được sức mạnh tập thể trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục của nhà trường.

Chi bộ Đảng và các tổ chức đoàn thể khác đã phối hợp tốt cùng nhà trường thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

Trường thực hiện tốt các công tác quản lý hành chính, quản lý tài chính và tài sản theo đúng quy định; công tác ứng dụng công nghệ thông tin được trường triển khai và thực hiện; thực hiện tốt quy chế dân chủ tại đơn vị.

Trường thực hiện tốt việc quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên: Phân công hợp lý; tạo điều kiện cho việc học tập, bồi dưỡng, đảm bảo các quyền theo đúng quy định; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Trường xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình thực tế của trường; có thực hiện việc đánh giá kết quả thực hiện.

Điểm yếu cơ bản:

Trường chưa thực hiện thường xuyên việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung trong phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường thể hiện qua kế hoạch hằng năm.

Trường có vi phạm tài chính trong năm 2020.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/10

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Trong nhiều năm qua, để đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện của ngành giáo dục, Trường Tiểu học Trần Văn Ôn luôn cố gắng đảm bảo đủ cán bộ, giáo viên, nhân viên có trình độ chuyên môn theo quy định. Cán bộ quản lý đạt trình độ đại học sư phạm, được bồi dưỡng về quản lý giáo dục; có đủ sức khỏe, năng nổ, nhiệt tình được tập thể nhà trường tin nhiệm về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại điều 11 của Điều lệ trường tiểu học.

Giáo viên có tay nghề chuyên môn vững vàng, có tâm huyết với nghề. Đội ngũ nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và đáp ứng yêu cầu các công việc được phân công.

Học sinh của trường thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học sinh và được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường tiểu học.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo*

viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng được điều động và bổ nhiệm theo quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình. Phó hiệu trưởng được điều động theo quyết định số 334/QĐ-UBND-NS ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đạt tiêu chuẩn theo quy định: hiệu trưởng có thời gian giảng dạy 09 năm và 09 năm làm công tác quản lý, phó hiệu trưởng có 15 năm giảng dạy và 21 năm làm công tác quản lý ở cấp tiểu học. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có bằng đại học sư phạm, chứng chỉ bồi dưỡng cán bộ quản lý, hiệu trưởng có trình độ thạc sỹ quản lý giáo dục, trình độ lý luận chính trị là trung cấp. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có đủ sức khỏe đáp ứng tiêu chuẩn cán bộ quản lý [H2-2.1-01].

b) Năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng thực hiện đánh giá chuẩn theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông. Trong 05 năm, Phó Hiệu trưởng được cấp trên đánh giá mức khá. Năm 2019-2020, hiệu trưởng được cấp trên đánh giá mức đạt; năm 2023-2024, hiệu trưởng được cấp trên đánh giá mức khá [H2-2.1-02].

c) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tham gia tốt các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục. Tuy nhiên, kỹ năng giao tiếp ngoại ngữ tiếng Anh của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng còn hạn chế [H2-2.1-03].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức xuất sắc theo Thông tư

số 14/2011/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (năm học 2017-2018) và đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức đạt và khá theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (năm học 2019-2020, 2021-2022) theo đúng chu kỳ đánh giá [H2-2.1-02].

b) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chính trị, chứng chỉ Quản lý Nhà nước [H2-2.1-03]. Trong năm học 2020-2021, cán bộ quản lý nhà trường chưa được giáo viên tín nhiệm cao thể hiện qua kết quả đánh giá chuẩn cán bộ quản lý nhà trường [H2-2.1-04].

Mức 3:

Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng tự đánh giá và được xếp loại đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức đạt và mức khá [H1-2.1-02].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý của trường đảm bảo đủ về số lượng, cơ cấu, có phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn vững vàng; có trình độ nghiệp vụ công tác quản lý nên phát huy được vai trò lãnh đạo, điều hành tốt các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Kỹ năng giao tiếp ngoại ngữ tiếng Anh của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng còn hạn chế. Cán bộ quản lý có năm chưa nhận được tín nhiệm cao của giáo viên, nhân viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, cán bộ quản lý tăng cường học tập, bồi dưỡng năng lực quản lý điều hành các hoạt động giáo dục trong nhà trường, nâng cao uy tín của người quản lý, tạo niềm tin với tập thể. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có kế hoạch tự học bồi dưỡng về kỹ năng giao tiếp ngoại ngữ tiếng Anh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;
- c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

- a) Năm học 2023-2024, trường có 29 giáo viên. Số lượng giáo viên đảm bảo đủ để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của

Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học (Tỷ lệ 1,32%); có giáo viên làm tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh [H2-2.2-01].

b) Theo Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định [H2-2.2-02].

c) Từ năm học 2019-2020 đến nay, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. Số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức tốt chưa nhiều [H2-2.2-03].

Mức 2:

a) Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, theo Luật giáo dục năm 2019, trường có 01 giáo viên đạt trình độ đào tạo trên chuẩn [H2-2.2-02].

b) Từ năm học 2019-2020, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên [H2-2.2-03].

c) Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-03].

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên của trường đạt trình độ đào tạo trên chuẩn 100% [H2-2.2-02].

b) Trong 03 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên. Từ năm học 2019-2020 đến nay, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên [H2-2.2-03].

2. Điểm mạnh:

Trường có 100% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

3. Điểm yếu:

Số giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức tốt chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2024-2025, trường tiếp tục duy trì đủ số lượng giáo viên,

thực hiện bồi dưỡng thường xuyên và tiếp tục tạo điều kiện để giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao năng lực chuyên môn và đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức cao hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Trường có nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm các công tác khác để đảm bảo các nhiệm vụ trong năm học như: giáo viên kiêm nhiệm quản lý trang thông tin điện tử, giáo viên kiêm nhiệm công tác pháp chế, nhân viên thư viện kiêm nhiệm y tế, nhân viên văn thư kiêm nhiệm thủ quỹ, nhân viên phục vụ kiêm nhiệm thủ kho, nhân viên bảo vệ kiêm nhiệm sửa chữa thiết bị đèn, quạt, ống nước, ... [H1-1.7-03].

b) Nhân viên nhà trường được phân công công việc phù hợp với trình độ đào tạo, chuyên môn [H1-1.2-06].

c) Tất cả các nhân viên đều hoàn thành các nhiệm vụ được giao, có tinh thần trách nhiệm, hợp tác trong công việc [H2-2.3-01].

Mức 2:

a) Nhà trường có 09 nhân viên là hợp đồng trường gồm 06 nhân viên bảo vệ và 03 nhân viên phục vụ, số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 và Quyết định số 2776/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2018 về phê duyệt danh mục vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trường chưa có nhân viên hỗ trợ khuyết tật [H1-1.2-06]; [H1-1.7-03].

b) Trường không có nhân viên bị vi phạm hình thức cảnh cáo hay kỷ luật [H1-1.1-05].

Mức 3:

a) Nhân viên trong nhà trường có trình độ đáp ứng với từng vị trí việc làm, cụ thể: nhân viên kế toán có trình độ đại học, nhân viên văn thư có trình độ trung cấp văn thư. Trường có 01 nhân viên phục vụ có trình độ trung học phổ thông. Còn lại 06 nhân viên bảo vệ và 02 phục vụ chưa đủ trình độ trung học phổ thông [H1-1.7-05]; [H2-2.3-01].

b) Hằng năm, nhà trường luôn tạo điều kiện cho nhân viên được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo vị trí việc làm [H2-2.3-02].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên có tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, phối hợp, hỗ trợ nhau trong công việc.

Nhà trường đã thực hiện các chế độ chính sách đầy đủ, kịp thời, không có trường hợp khiếu nại về chế độ của nhân viên trong những năm học qua.

3. Điểm yếu

Nhân viên của trường chưa là viên chức.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2022-2023, hiệu trưởng tuyển dụng viên chức đối với các vị trí kế toán, văn thư, hỗ trợ khuyết tật.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi của học sinh tiểu học theo quy định;*
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2023-2024, trường có 684 học sinh. Học sinh của trường đảm bảo độ tuổi đúng quy định theo điều 33 của Điều lệ trường tiểu học (tuổi của học sinh vào học lớp một là 06 tuổi và được tính theo năm); không có học sinh học sớm tuổi hoặc học vượt lớp [H1-1.5-02].

b) Học sinh thực hiện đầy đủ 05 nhiệm vụ của học sinh tiểu học theo quy định của Điều lệ trường tiểu học; không có học sinh vi phạm các hành vi không được làm theo điều 34 và điều 37 Điều lệ trường tiểu học; trên 95% học sinh có năng lực tự phục vụ, tự quản và hợp tác [H1-1.6-02].

c) Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định tại điều 35, Điều lệ trường tiểu học, học sinh luôn được thầy cô quan tâm bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng; được tham gia các hoạt động ngoại khóa, được giáo dục kỹ năng sống và được hưởng các quyền trẻ em theo quy định của pháp luật [H1-1.1-05].

Mức 2:

Trường đề ra các biện pháp nhằm phát hiện kịp thời các hành vi học sinh không được làm, thành lập đội sao đỏ; qua các buổi sinh hoạt dưới cờ Hiệu trưởng, tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh thường xuyên

giáo dục, nhắc nhở học sinh có biểu hiện sai trái, vi phạm những hành vi không được làm, từ đó kịp thời có biện pháp giáo dục phù hợp [H2-2.4-01].

Mức 3:

Trường luôn tổ chức tuyên dương các gương tốt của học sinh cũng như khen thưởng các em tham gia và đạt thành tích trong các phong trào thể dục thể thao định kỳ hoặc đột xuất trong năm học có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động của lớp và nhà trường. Một số ít học sinh còn thụ động hoặc thiếu sự quan tâm của gia đình nên ảnh hưởng kết quả học tập của các em [H2-2.4-02].

2. Điểm mạnh

Học sinh đảm bảo đúng độ tuổi, không có học sinh học sớm tuổi hoặc học vượt lớp. Nhà trường luôn quan tâm, đảm bảo tốt các quyền lợi của học sinh. Học sinh thực hiện tốt 05 nhiệm vụ học sinh.

3. Điểm yếu

Một số ít học sinh còn thụ động hoặc thiếu sự quan tâm của gia đình nên ảnh hưởng kết quả học tập của các em.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, hiệu trưởng tăng cường tổ chức các chuyên đề, các hoạt động mang tính giáo dục nhằm phát triển toàn diện học sinh. Bên cạnh đó, Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên vận động, phối hợp cha mẹ học sinh để giúp đỡ các em học sinh thụ động hoặc thiếu quan tâm của gia đình.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đảm bảo yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, lý luận chính trị theo quy định; đáp ứng tốt cho việc thực hiện nhiệm vụ và luôn nhận được sự tín nhiệm cao từ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường.

Trường có số lượng và cơ cấu giáo viên đảm bảo để dạy các môn học bắt buộc theo quy định; tỷ lệ giáo viên/lớp là 1,32 đảm bảo theo quy định.

Trường thực hiện tốt quy định về độ tuổi đi học của học sinh và đảm bảo các quyền lợi chính đáng cho học sinh theo đúng quy định.

Học sinh của trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định và không thực hiện các hành vi không được làm.

Nội bộ nhà trường đoàn kết, thống nhất trong công tác giáo dục toàn diện cho học sinh. Cán bộ, giáo viên, nhân viên được đảm bảo đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách theo quy định.

Điểm yếu cơ bản:

Một số ít học sinh còn thụ động hoặc thiếu sự quan tâm của gia đình nên ảnh hưởng kết quả học tập của các em.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 4/4

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/4

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

Cơ sở vật chất là một trong những yếu tố rất cần thiết trong nhà trường hiện nay, là một trong những điều kiện giúp nhà trường phát triển về mọi mặt. Trường Tiểu học Trần Văn Ôn đáp ứng được các yêu cầu tối thiểu của giáo dục: khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, tường rào, sân chơi. Bên cạnh đó, trường có các phòng học để đảm bảo việc giảng dạy. Các điều kiện cơ sở vật chất khác như nhà vệ sinh, nơi để xe, hệ thống cấp thoát nước đều được đảm bảo cho việc thực hiện các hoạt động giáo dục toàn diện.

Thư viện của trường có đầy đủ sách, báo, tài liệu tham khảo và phòng đọc sách cho giáo viên, học sinh, đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của giáo viên, nhân viên và học sinh; thực hiện đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách theo quy định đối với thư viện. Trang thiết bị phục vụ tốt cho các hoạt động quản lý và giảng dạy, hầu hết cán bộ, giáo viên, nhân viên có ý thức trong việc sử dụng và bảo quản. Bên cạnh đó, trường khuyến khích giáo viên tự làm và sử dụng đồ dùng dạy học để tăng hiệu quả giảng dạy. Nhà trường đã đầu tư một số trang thiết bị phục vụ cho hoạt động dạy và học.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Mức 1:

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) Có cổng trường, biển tên trường, và tường hoặc hàng rào bao quanh;
- c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.

Mức 2:

- a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;
- b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

Mức 3:

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có khuôn viên riêng biệt yên tĩnh, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh. Trường tận dụng các khoảng không gian lớp học, hành lang để trồng cây xanh, xây dựng cảnh quan phù hợp [H3-3.1-01].

b) Điểm trường chính có tất cả 04 cổng trường (01 cổng chính và 03 cổng phụ); điểm trường phụ có 2 cổng trường (01 cổng trước và 01 cổng sau) đảm bảo yêu cầu an toàn, thẩm mỹ, có biển tên trường rõ ràng. Cổng chính ở cơ sở 1 tại số 100 Tân Tiến; cổng chính cơ sở 2 ở số 373/52 Lý Thường Kiệt. Hàng rào ở điểm trường chính xây trên tường kiên cố cao 2,6 m bao quanh khuôn viên trường, đảm bảo an toàn và mỹ quan [H3-3.1-02].

c) Tổng diện tích khuôn viên hai điểm trường là 758,3 m². Sân chơi cho học sinh có tổng diện tích là 286 m², chiếm tỷ lệ 13% diện tích khuôn viên trường. Sân chơi sử dụng chung làm sân tập thể dục. Sân chơi bằng phẳng, được lát gạch, có độ nhám đảm bảo an toàn cho học sinh. [H3-3.1-03].

Mức 2:

a) Diện tích khuôn viên: 758,3 m², diện tích sân chơi: 286 m² không đảm

bảo theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8793:2011 về yêu cầu thiết kế trường tiểu học [H3-3.1-03].

b) Diện tích sân chơi, sân tập chưa đủ để cho học sinh luyện tập thường xuyên [H3-3.1-03].

Mức 3:

Sân chơi cũng là sân tập bằng phẳng nhưng chưa có đồ chơi, thiết bị vận động cho học sinh hoạt động. Trường không có sân tập riêng [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, gọn gàng; cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, khang trang, đảm bảo an toàn cho học sinh.

Vị trí của trường thuận lợi, công trường được xây dựng kiên cố, chắc chắn; có tường rào bao quanh, đảm bảo tốt về an ninh trật tự.

3. Điểm yếu

Diện tích sân chơi, sân tập thể dục thể thao chưa đảm bảo theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, nhà trường tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cải tạo, xây dựng mới trường học trên diện tích đất sẵn có nhằm đảm bảo diện tích bình quân tối thiểu và diện tích sân chơi, xây dựng sân tập cho học sinh, góp phần thực hiện tốt mục tiêu giáo dục. Từ năm học 2024-2025, Hiệu trưởng tiếp tục có kế hoạch cải tạo môi trường, tận dụng các khoảng không gian để trồng thêm cây xanh che mát sân trường. Đồng thời, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch dự trù kinh phí để từng năm mua thêm đồ chơi, tăng cường thiết bị vận động giúp cho học sinh vui chơi và rèn luyện tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

a) Đủ mỗi lớp 1 phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;

b) Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;

c) Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;

c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.

Mức 3:

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ, có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 22 phòng học được trang bị bảng từ, hệ thống đèn, quạt, đảm bảo điều kiện về ánh sáng, thoáng mát, an toàn cho giáo viên và học sinh theo đúng quy định về quy cách phòng học. Ngoài ra, trường còn trang trí ảnh Bác, bảng 05 điều Bác Hồ dạy, bảng chữ cái, bảng trích thư Bác Hồ gửi học sinh, bản đồ Việt Nam, góc sản phẩm của em, thư viện cho mỗi phòng học [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

b) Trường trang bị đầy đủ bàn ghế đúng chuẩn cho 100% học sinh. Bàn được thiết kế có chỗ đựng đồ dùng học tập, ghế tựa phù hợp với lứa tuổi học sinh. Bàn ghế dành cho giáo viên và bảng lớp được trang bị đúng quy định [H3-3.2-03].

c) Mỗi lớp đều có trang bị hệ thống đèn, quạt đảm bảo đủ sáng và thoáng cho học sinh khi học. Mỗi lớp được trang bị 01 tủ đựng hồ sơ và 01 tủ đựng thiết bị dạy học [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

Mức 2:

a) Diện tích phòng học tại điểm chính là 48 m² đạt tiêu chuẩn theo quy định Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8793:2011 về yêu cầu thiết kế trường tiểu học. Tuy nhiên tại cơ sở 02 của trường, các phòng học có diện tích hẹp, chưa đảm bảo quy định [H3-3.2-01].

b) Mỗi lớp đều được trang bị 01 tủ đựng đồ dùng dạy học, tài liệu dạy học đảm bảo đầy đủ, hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng. Tuy nhiên, tủ đựng đồ dùng dạy học ở một số lớp đã cũ [H3-3.2-02].

c) Bàn ghế được làm bằng gỗ cao su, chiều cao bàn ghế phù hợp với học sinh. Tuy nhiên, do bàn học thiết kế loại gỗ dày nên khá nặng so với học sinh lớp nhỏ và không thuận tiện khi cần di chuyển tạo nhóm học tập trong quá trình giảng dạy theo phương pháp mới [H3-3.2-03].

Mức 3:

Ngoài việc đảm bảo đủ số phòng học cho mỗi lớp, nhà trường còn bố trí 01 phòng dạy tin học. Tuy nhiên, trường chưa có các phòng chức năng để dạy các môn khoa học, âm nhạc, mỹ thuật và ngoại ngữ [H3-3.2-01].

2. Điểm mạnh

Trường đảm bảo cơ sở vật chất về phòng học, trang thiết bị tối thiểu phục vụ cho việc giảng dạy theo quy định. Mỗi lớp một phòng học riêng, có bàn ghế đầy đủ cho học sinh, loại một chỗ, đúng tiêu chuẩn, thuận lợi cho học sinh tham gia các hoạt động học tập trên lớp.

3. Điểm yếu

Trường chưa có phòng riêng biệt để dạy các môn khoa học, âm nhạc, mỹ thuật và ngoại ngữ, phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, phòng để giảng dạy cho học sinh có năng khiếu theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, hiệu trưởng tiếp tục tham mưu Phòng Giáo dục và Đào tạo đề xuất Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cải tạo, xây dựng mới theo quy hoạch để đáp ứng các quy định tại tiêu mục 5.3.1 Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN8793:2011 về yêu cầu thiết kế trường tiểu học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính-quản trị

Mức 1:

a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

b) Khối phòng hành chính-quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính- quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn trật tự.

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có 01 phòng học tin học, 01 phòng thư viện - thiết bị, 01 phòng Đoàn - Đội. Phòng giáo dục nghệ thuật được dùng chung với phòng hội trường [H3-3.3-01].

b) Khối phòng hành chính - quản trị của nhà trường gồm có phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng văn thư, phòng y tế, phòng hội trường, được trang bị đầy đủ như: bàn, ghế, tủ hồ sơ, máy tính nối mạng internet, máy in, máy photocopy và các phương tiện khác phục vụ kịp thời các hoạt động giáo dục, công tác quản lý và giảng dạy [H3-3.3-02].

c) Trường có nhà để xe cho giáo viên và nhân viên. Nhà để xe được bố trí khu vực hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.3-03].

Mức 2:

a) Trường có khối phòng phục vụ học tập, khối phòng hành chính - quản trị đảm bảo theo quy định bao gồm: phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính, phòng y tế, phòng hội trường. Trường không có khu nhà ăn, nhà bếp nên hợp đồng với đơn vị cung cấp suất ăn phục vụ học sinh bán trú. Trường không có khu nhà nghỉ nên học sinh bán trú ngủ trong lớp [H3-3.3-02].

b) Trường bố trí khu vực hỗ trợ lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung cho từng bộ phận [H3-3.3-02].

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp khá hợp lý hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường [H3-3.3-02].

2. Điểm mạnh

Khối phòng hành chính - quản trị đảm bảo đầy đủ các phòng cho từng bộ phận riêng biệt, được bố trí tại các tầng nên tiện lợi cho việc quản lý và chăm sóc, phục vụ học sinh.

3. Điểm yếu

Trường không có khu nhà nghỉ nên học sinh bán trú ngủ trong lớp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tham mưu với các cấp lãnh đạo trong việc xây dựng trường mới trên nền đất cũ để xây dựng thêm một số phòng phục vụ học tập theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tại mỗi điểm trường, nhà trường đều có 02 khu vệ sinh riêng cho giáo viên nam, giáo viên nữ; có các khu vệ sinh riêng biệt cho học sinh nam và học sinh nữ, nhà vệ sinh được bố trí ở tầng trệt và lầu 01, đảm bảo không ô nhiễm môi trường. Các khu nhà vệ sinh được trang trí bên trong và luôn khô ráo sạch sẽ, có đầy đủ các bồn rửa, vòi nước rửa tay, xà phòng, giấy vệ sinh, phục vụ tốt cho việc vệ sinh cá nhân [H3-3.4-01].

b) Hệ thống thoát nước của trường đảm bảo vệ sinh, không bị nghẽn và ô nhiễm. Trường sử dụng hệ thống nước máy do công ty cấp nước Thành phố cung cấp; đáp ứng nguồn nước sạch phục vụ nhu cầu sử dụng hàng ngày; đảm bảo an toàn vệ sinh. Trường hợp đồng với công ty cổ phần nước uống Hoàng Minh, đảm bảo các yêu cầu cao về vệ sinh an toàn thực phẩm để phục vụ cho nhu cầu nước uống của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường [H1-1.10-06]; [H3-3.4-02].

c) Sân trường được trang bị nhiều thùng đựng rác có nắp đậy đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường. Tập thể cán bộ - giáo viên - nhân viên thực hiện tốt Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện Cuộc vận động “Người dân thành phố Hồ Chí Minh không xả rác ra đường và kênh rạch, vì Thành phố sạch và giảm ngập nước”: hạn chế tối đa việc sử dụng sản phẩm nhựa chỉ sử dụng một lần, phân loại rác tại nguồn.

Rác thải được thu gom hằng ngày theo giờ cố định đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-03]; [H3-3.4-04].

Mức 2:

a) Khu vệ sinh được bố trí ở tầng trệt và lầu 01, có trang bị đủ xà phòng rửa tay, giấy, nước sạch cho cán bộ, giáo viên, học sinh tiện sử dụng. Tuy nhiên, tại các tầng lầu 02, 03 chưa có nhà vệ sinh nên chưa thuận tiện cho học sinh trong quá trình sử dụng [H3-3.4-01].

b) Trường sử dụng hệ thống nước thủy cục nhằm đảm bảo vệ sinh, an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H1-1.10-06]; [H3-3.4-02]. Trường quan tâm đến việc đáp ứng các quy định về nước uống, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế. Trường có nơi tập trung rác thu gom trong ngày. Trường hợp đồng với Công ty Dịch vụ Công ích quận Tân Bình thu gom rác hàng ngày. Rác y tế được thu gom riêng theo quy định [H3-3.4-04].

2. Điểm mạnh

Hệ thống thoát nước tốt, nhà vệ sinh sạch sẽ. Việc thu gom rác được thực hiện hàng ngày, không gây ô nhiễm môi trường.

3. Điểm yếu

Do diện tích nhà trường nhỏ, chưa có khu vệ sinh ở lầu 02 và lầu 03 nên chưa thuận lợi khi sử dụng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục tham mưu Phòng Giáo dục và Đào tạo đề xuất Ủy ban nhân dân quận Tân Bình sớm xây dựng theo quy hoạch.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đủ thiết bị văn phòng: bàn, ghế làm việc, tủ hồ sơ, bảng từ, bàn làm việc, ghế xoay, ghế sắt xếp, bàn tiếp khách, bàn vi tính, máy điều hòa, máy vi tính có kết nối mạng internet, máy in, máy photocopy, ... đáp ứng đầy đủ nhu cầu hoạt động của nhà trường [H3-3.5-01].

b) Trường có đủ thiết bị dạy học tối thiểu, đồ dùng dạy học đáp ứng phục vụ cho các hoạt động giảng dạy và học tập theo đúng quy định mức tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bộ đồ dùng dạy học được đưa lên từng lớp học cho giáo viên sử dụng [H3-3.5-02]. Ngoài ra, giáo viên rất tích cực trong phong trào tự làm đồ dùng dạy học [H3-3.5-03]. Trường có 05 bảng tương tác, mỗi lớp được trang bị ti vi, đầu đĩa nhằm phục vụ tốt hơn cho việc truyền thụ và mở rộng kiến thức cho học sinh. Tuy nhiên một số thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học như ti vi, đầu đĩa, bảng tương tác đã cũ và xuống cấp [H3-3.5-04].

c) Hằng năm, đồ dùng, thiết bị dạy học được nhân viên thiết bị thực hiện kiểm kê định kỳ, đề xuất mua sắm, sửa chữa thường xuyên do một số đồ dùng đã cũ và xuống cấp [H3-3.5-04]; [H3-3.5-05].

Mức 2:

a) Trường trang bị đầy đủ các loại máy văn phòng như: máy tính nối

mạng internet, máy in, phòng máy tính dạy tin học phục vụ đầy đủ kịp thời các hoạt động giáo dục, công tác quản lý và giảng dạy [H3-3.3-01].

b) Hằng năm, nhà trường trang bị đủ thiết bị dạy học theo đúng quy định tại Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học và Thông tư số 05/2019/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1 [H3-3.5-01]; [H3-3.5-04].

c) Từ việc kiểm kê, nhân viên thiết bị thực hiện đánh giá tình trạng sử dụng của các thiết bị để xây dựng kế hoạch mua sắm, bổ sung và trình hiệu trưởng phê duyệt. Bên cạnh đó, nhà trường luôn khuyến khích giáo viên tự làm một số đồ dùng dạy học phục vụ cho việc giảng dạy và học tập; khuyến khích giáo viên tăng cường sử dụng giáo án điện tử. 100% giáo viên thực hiện soạn bài giảng điện tử và bài giảng trên bảng tương tác qua các chuyên đề, Hội thi giáo viên dạy giỏi [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03]; [H3-3.5-04]; [H3-3.5-05].

Mức 3:

Hằng năm, thiết bị dạy học và thiết bị dạy học do giáo viên tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.5-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ trang thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học đáp ứng các hoạt động giáo dục trong trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giáo viên tích cực sử dụng và tự làm thiết bị, đồ dùng dạy học; có ý thức giữ gìn và bảo quản thiết bị của nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học đã cũ và xuống cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch dự trù kinh phí mua sắm tài sản, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị dạy học để đáp ứng yêu cầu thực tiễn chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Phó hiệu trưởng thường xuyên

khuyến khích giáo viên tích cực khai thác, sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm trong các tiết dạy nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thư viện được đặt ở tầng 01, có diện tích 48 m², ngoài ra, còn có 01 thư viện ngoài hành lang lớp học với đầy đủ danh mục đầu sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, tranh ảnh, bản đồ, băng đĩa, báo, tạp chí, ... cùng các trang thiết bị: bàn ghế, giá giới thiệu sách, hệ thống đèn, quạt và được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp. Thư viện có tủ sách Bác Hồ, tủ sách Pháp luật, tủ sách chuyên đề phục vụ cho giảng dạy và học tập. Ngoài ra thư viện còn có các loại báo như: báo Giáo dục Thành phố, Tạp chí Thế giới trong ta, Giáo dục Tiểu học, ... [H3-3.6-01].

b) Thư viện có nội dung hoạt động phù hợp, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu,

dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, được công nhận thư viện tiên tiến [H3-3.6-02]. Thư viện có xây dựng lịch đọc sách hàng tuần cho học sinh. Hằng năm, thư viện phối hợp chặt chẽ với bộ phận chuyên môn, Đoàn, Đội phát động tổ chức các hoạt động: Nét vẽ xanh, Hội thi kể chuyện, Hội thu sách truyện, giới thiệu sách theo chủ đề, tiết học tại thư viện. Ngoài ra, nhân viên thư viện phối hợp với Đoàn, Đội phát động học sinh đóng góp sách truyện, sách giáo khoa cho thư viện nhà trường, tạo sự phong phú, đa dạng loại hình hoạt động cho thư viện [H3-3.6-03]; [H3-3.6-04]; [H3-3.6-05].

c) Hằng năm, nhân viên thư viện - thiết bị có kế hoạch kiểm kê, mua bổ sung các loại sách, báo, tài liệu tham khảo cho thư viện, đảm bảo bổ sung đủ tài liệu cho nhu cầu sử dụng tối thiểu của giáo viên và học sinh [H3-3.6-06].

Mức 2:

Từ năm học 2019-2020 đến nay, thư viện trường đạt danh hiệu Thư viện Tiên tiến theo Quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 01 năm 2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông, Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành Quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông [H3-3.6-05].

Mức 3:

Thư viện nhà trường đạt danh hiệu Thư viện Tiên tiến. Tuy nhiên, hiện thư viện chỉ mới trang bị máy tính nối mạng cho nhân viên thư viện, chưa trang bị cho giáo viên và học sinh truy cập thông tin [H3-3.6-05].

2. Điểm mạnh

Thư viện trường đạt danh hiệu Thư viện Tiên tiến. Thư viện trường được trang bị sách báo phục vụ cho các hoạt động dạy học, đáp ứng tốt nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Trường có khu thư viện mở ngoài hành lang lớp học, trang trí phù hợp, đẹp mắt, thu hút nhiều học sinh đến đọc sách, mở rộng kiến thức.

3. Điểm yếu

Thư viện trường chỉ mới trang bị máy tính nối mạng cho nhân viên thư

viện chưa trang bị cho giáo viên và học sinh truy cập thông tin.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2022-2023, hiệu trưởng tiếp tục dự trù kinh phí để mua sắm, bổ sung sách, báo, tạp chí, tranh ảnh, sách giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo đáp ứng nhu cầu sử dụng của giáo viên và học sinh.

Trong năm học 2022-2023, thông qua việc lấy ý kiến và thống nhất với Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, hiệu trưởng sẽ thực hiện xã hội hóa trang bị thêm máy tính có kết nối Internet cho thư viện để nâng mức đáp ứng nhu cầu hoạt động của giáo viên, nhân viên, học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Trường có khuôn viên riêng biệt, gọn gàng, đảm bảo tốt về an ninh trật tự, có cảnh quan môi trường khá tốt. Các hạng mục xây dựng đảm bảo an toàn và thẩm mỹ.

Trường đảm bảo phòng học riêng cho mỗi lớp và cơ sở vật chất về phòng học, trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy theo quy định thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKH-CN-BYT.

Khối phòng hành chính được bố trí khá hợp lý, khoa học và trang bị đầy đủ các thiết bị để phục vụ công tác quản lý, hỗ trợ hoạt động giáo dục.

Trường có đủ trang thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu và tủ thiết bị cho từng lớp, đáp ứng tốt các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điểm yếu cơ bản:

Diện tích sân chơi chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định của tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8793:2011 về yêu cầu thiết kế trường tiểu học. Trường không có bãi tập riêng.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 6/6

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/6

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Nhà trường, gia đình và xã hội là 03 yếu tố không thể tách rời. Mỗi quan hệ này càng gắn bó mật thiết, chặt chẽ với nhau thì việc giáo dục học sinh sẽ đạt hiệu quả cao. Vì vậy, nhà trường đã chủ động phối hợp với địa phương và các tổ chức đoàn thể ở địa phương dưới nhiều hình thức nhằm huy động các nguồn lực hợp pháp về tinh thần, vật chất để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục, nắm bắt thông tin hai chiều một cách kịp thời, từ đó đề ra các biện pháp giáo dục phù hợp.

Việc trao đổi giữa nhà trường và gia đình sẽ tạo điều kiện cho việc giáo dục, quản lý học sinh ở trường và ở nhà được thuận lợi, hỗ trợ tốt cho việc giáo dục nhân cách học sinh.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục

và Đào tạo. Đầu năm học, nhà trường tổ chức họp cha mẹ học sinh ở tất cả các lớp để bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh (gồm 02 đến 03 thành viên) của từng lớp. Sau đó tiến hành Đại hội để bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh trường (gồm 03 thành viên, trong đó có 01 trưởng ban, 01 phó trưởng ban và 01 thư ký) [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh có kế hoạch và chương trình hoạt động cụ thể trong năm học. Trường luôn tạo mọi điều kiện để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động, trong các buổi họp Ban đại diện cha mẹ học sinh đều công khai báo cáo về kết quả các hoạt động, ghi nhận biên bản các buổi họp cha mẹ học sinh trường đầy đủ [H4-4.1-03].

c) Mỗi năm học, nhà trường tổ chức họp Ban đại diện cha mẹ học sinh 03 lần. Nhà trường luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động đảm bảo đúng tiến độ đề ra [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

Mức 2:

Nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn có sự phối hợp tốt trong các hoạt động của trường như: chăm lo cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ nhà trường trong công tác giáo dục học sinh; hướng dẫn tuyên truyền phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh [H4-4.1-03].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp với nhà trường trong các hoạt động của trường, tham gia bàn bạc, thảo luận các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục cũng như cải tạo môi trường sư phạm, phối hợp cùng nhà trường chăm lo sức khỏe học sinh. Tuy nhiên, các lớp vẫn còn khoảng 10% cha mẹ học sinh do bận công việc nên chưa tham gia đầy đủ các buổi họp cha mẹ học sinh của lớp [H4-4.1-02]; [H4-4.1-04].

2. Điểm mạnh

Các thành viên trong Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường rất nhiệt tình, năng nổ và đầy tâm huyết, luôn phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng, ủng hộ các

hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Trong các buổi họp cha mẹ học sinh của lớp, còn khoảng 10% cha mẹ học sinh do hoàn cảnh khó khăn, bận công việc nên chưa tham gia đầy đủ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, nhà trường tiếp tục phát huy sự phối hợp hiệu quả của Ban đại diện cha mẹ học sinh trong các hoạt động tại đơn vị.

Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm thực hiện tốt công tác chủ nhiệm, vận động 100% cha mẹ học sinh tham gia các buổi họp; đồng thời thông tin hai chiều giữa nhà trường với cha mẹ học sinh thông qua tin nhắn, điện thoại, trao đổi trực tiếp, bản tin, theo dõi thông tin trên trang web của trường, ... để tất cả cha mẹ học sinh nắm bắt các hoạt động của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công

trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường qua các báo cáo, các cuộc họp giao ban [H1-1.1-01]; [H1-1.1-04].

b) Trong các buổi họp với Cha mẹ học sinh, hiệu trưởng tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng quy định của pháp luật, của ngành giáo dục để tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường; phối hợp cùng chính quyền, tổ chức đoàn thể địa phương như vận động học sinh nghỉ học ra lớp, tổ chức hoạt động sinh hoạt truyền thống, phối hợp với công an Phường 8 đăng ký trường “An toàn về an ninh trật tự”, phối hợp với Ban chấp hành Đoàn phường tổ chức lễ hội trăng rằm và sinh hoạt hè cho các em thiếu nhi, ... Sự phối hợp trên đã nâng cao hiệu quả trong công tác giáo dục học sinh tại trường [H4-4.2-01].

c) Mỗi năm học, nhà trường tích cực tham mưu, huy động nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân, các mạnh thường quân hỗ trợ để cải tạo, xây dựng cơ sở vật chất nhà trường. Tuy nhiên việc huy động các nguồn lực chưa mạnh để hỗ trợ tích cực cho các hoạt động giáo dục của nhà trường [H4-4.1-02].

Mức 2:

a) Nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện, hỗ trợ kịp thời cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-01].

b) Trường đã phối hợp hiệu quả với các tổ chức, đoàn thể địa phương để

giáo dục học sinh về truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc qua các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn như: ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, phong trào Nuôi heo đất khuyến học, phối hợp với Đoàn Phường tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường (Ngày Chủ nhật xanh, ...), hoạt động xã hội (thăm và tặng quà cho học sinh khó khăn, ...), hoạt động vui chơi (Lễ hội Trung thu, Tết Nguyên Đán, ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6, sinh hoạt hè, ...). Nhà trường tổ chức cho học sinh chăm sóc di tích lịch sử “Đài liệt sĩ quận Tân Bình” [H4-4.2-01].

Mức 3:

Nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, nhưng chưa tham mưu để xây dựng trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

2. Điểm mạnh

Trường thực hiện tốt công tác tham mưu, phối hợp với cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể địa phương nhằm thực hiện các kế hoạch, nội dung trong công tác giáo dục học sinh.

Nhà trường có kế hoạch thực hiện thường xuyên và hiệu quả việc giáo dục truyền thống lịch sử văn hóa dân tộc, chăm sóc và viếng thăm nhiều địa điểm di tích lịch sử địa phương.

3. Điểm yếu

Việc huy động các nguồn lực chưa mạnh để hỗ trợ tích cực cho tất cả các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Nhà trường chưa tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền để xây dựng trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2024-2025, hiệu trưởng tiếp tục tham mưu và phối hợp tốt với chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục.

Trong năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng sẽ tham mưu với cơ quan quản lý các cấp, Đảng ủy, chính quyền địa phương xây dựng

trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường tạo mối quan hệ tốt với chính quyền địa phương, quan hệ mật thiết và gắn bó với các ban ngành đoàn thể của phường nên chất lượng công tác giáo dục tại địa phương ngày càng ổn định và phát triển.

Nhà trường phối hợp tốt với Ban đại diện Cha mẹ học sinh trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh.

Điểm yếu cơ bản:

Nhà trường chưa tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền để xây dựng trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2/2

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/2

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Nhà trường thực hiện các hoạt động giáo dục theo đúng quy định về chuyên môn, chương trình, kế hoạch của cơ quan quản lý giáo dục quy định. Việc tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe, giáo dục thể chất, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, giáo dục đạo đức, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh luôn được nhà trường quan tâm. Thông qua việc tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn, các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, nhà trường phối hợp với các đoàn thể tạo môi trường hoạt động tập thể, vui chơi lành mạnh và bổ ích cho học sinh; luôn quan tâm đến công tác phổ cập giáo dục tiểu học, tạo mọi điều kiện để tất cả trẻ em trong độ tuổi đi học trong địa bàn đều được đến trường.

Kết quả cuối mỗi năm học, 100% học sinh đều thực hiện đầy đủ 05 nhiệm vụ của học sinh. Học sinh hoàn thành Chương trình tiểu học đạt 100%. Kết quả giáo dục của nhà trường chính là quá trình rèn luyện, học tập của học sinh đồng thời thể hiện sự nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Mức 1:

- a) Đảm bảo theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*
- b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;*
- c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.*

Mức 2:

- a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục.*
- b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường xây dựng và thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục phổ thông theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông (đối với lớp 4, 5) và Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; thực hiện “Điều chỉnh nội dung dạy học giáo dục phổ thông” theo Công văn 5842/BGDĐT-VP ngày 01 tháng 9 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường thực hiện đúng kế hoạch, chương trình dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng; yêu cầu cần đạt và định hướng phát triển năng lực học sinh; có sự điều chỉnh nội dung dạy học một cách hợp lý, phù hợp đặc điểm tâm sinh lý học sinh tiểu học [H1-1.8-01].

b) Để đáp ứng mục tiêu giáo dục toàn diện, nhà trường tổ chức thực hiện giáo dục đạo đức, rèn luyện kỹ năng sống và thực hiện các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, tổ chức dạy đủ các môn học, đúng chương trình, kế hoạch, đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng và yêu cầu cần đạt [H1-1.8-01]; [H1-1.8-03]; [H5-5.1-01]. Trường có học sinh khuyết tật học hoà nhập được thực hiện kế hoạch dạy học linh hoạt phù hợp với khả năng của từng học sinh và quy định về

giáo dục hoà nhập dành cho người khuyết tật [H5-5.1-02].

c) Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục theo hướng dẫn của công văn 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07 tháng 6 năm 2021, giải trình và được lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình phê duyệt [H1-1.8-01].

Mức 2:

a) Kế hoạch giáo dục của nhà trường thực hiện nghiêm túc sự chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục về chuyên môn, nghiệp vụ. Phó hiệu trưởng thường xuyên đảm bảo việc cập nhật thông tin, các quy định về chuyên môn của cơ quan giáo dục kịp thời [H1-1.8-01].

b) Tất cả các nội dung quan trọng có liên quan như kế hoạch giáo dục, hoạt động chuyên môn, văn bản hướng dẫn,... đều được công khai và niêm yết tại phòng giáo viên, trên trang web của trường để tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên có thể theo dõi. Ngoài ra, định kì mỗi năm 03 lần nhà trường cũng triển khai các nội dung có liên quan đến công tác giáo dục đến cha mẹ học sinh qua sổ liên lạc, họp cha mẹ học sinh,... tạo điều kiện cho cha mẹ học sinh cùng tham gia thực hiện mục tiêu và giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch giáo dục tiểu học. Tuy nhiên, cha mẹ học sinh chưa tham gia đóng góp ý kiến nhiều trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường [H1-1.8-01]; [H4-4.1-02].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng rõ ràng, cụ thể nhằm thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo tốt mục tiêu giáo dục toàn diện, tạo điều kiện để học sinh được phát triển bản thân. Giáo viên luôn đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng; nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức phù hợp với từng đối tượng học sinh, đảm bảo mục tiêu phát triển toàn diện cho học sinh.

3. Điểm yếu

Cha mẹ học sinh chưa tham gia đóng góp ý kiến nhiều trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục đảm bảo tốt mục tiêu, chương trình, các quy định về chuyên môn để nâng cao chất lượng giáo dục. Năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, nhà trường làm công tác vận động tốt hơn bắt đầu từ Ban đại diện cha mẹ học sinh và lan tỏa đến các lớp, khuyến khích, vận động cha mẹ học sinh mạnh dạn đóng góp ý kiến cũng như hỗ trợ, phối hợp với nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục hằng năm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.2: Thực hiện chương trình phổ thông cấp tiểu học

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;

c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh.

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Giáo viên thực hiện dạy đủ các môn học, đúng chương trình và kế hoạch giảng dạy, đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu cần đạt. Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục theo Quyết định số 16/2006/QĐ-

BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông và Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; vận dụng tốt Công văn 896/BGD&ĐT-GDTH ngày 13 tháng 02 năm 2006 và Văn bản 5842/BGDĐT-VP ngày 01 tháng 9 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn điều chỉnh việc dạy học cho học sinh tiểu học, đối với học sinh lớp 4; 5 [H1-1.8-02]; [H5-5.2-01].

b) Hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng triển khai kịp thời đến toàn thể giáo viên các phương pháp dạy học tích cực qua các buổi chuyên đề, thao giảng. Giáo viên đảm bảo thời lượng của từng tiết dạy và dạy đúng theo thời khoá biểu. Trong các tiết dạy, giáo viên đã chú ý lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động, thực hiện dạy theo hướng cá thể hoá, phù hợp với từng đối tượng học sinh, chú trọng dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh, đáp ứng khả năng nhận thức và yêu cầu phát triển toàn diện trong điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo học sinh được tham gia các hoạt động học tập trong tiết dạy [H1-1.4-06]; [H5-5.2-02]; [H5-5.2-03].

c) Trường thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học theo nội dung Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 09 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (đối với lớp 4, lớp 5) và Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 09 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học (đối với lớp 1, 2, 3) thông qua những hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của học sinh, tư vấn hướng dẫn học sinh; nhận xét định tính hoặc định lượng về kết quả học tập, rèn luyện, sự hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất của học sinh tiểu học [H1-1.6-02].

Mức 2:

a) Giáo viên thực hiện dạy đủ các môn học, đúng chương trình và kế hoạch giảng dạy, vận dụng các phương pháp, kỹ thuật tích cực trong tiết dạy,

giáo viên đảm bảo thời lượng của từng tiết dạy và dạy đúng theo thời khoá biểu, chú trọng đến phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, thực hiện dạy theo hướng cá thể hoá phù hợp với từng đối tượng học sinh, đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của các em. Trong quá trình giảng dạy, một số ít giáo viên trẻ chưa thật sự linh hoạt, chưa mạnh dạn sáng tạo trong việc lựa chọn hình thức, phương pháp dạy học; khả năng sử dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy ở một vài giáo viên lớn tuổi chưa đạt hiệu quả cao [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

b) Bộ phận chuyên môn có xây dựng kế hoạch và thực hiện bồi dưỡng học sinh năng khiếu, rèn học sinh còn hạn chế trong học tập để hỗ trợ, nâng cao chất lượng công tác dạy và học. Trường quan tâm phát hiện và bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phát động thi đua khuyến khích học sinh tham dự các cuộc thi như: Nét vẽ xanh, hùng biện tiếng Anh,... Khuyến khích học sinh tham gia các kỳ thi lấy chứng chỉ tiếng Anh theo chuẩn Quốc tế của hội đồng khảo thí Đại học Cambridge (Starters, Movers, Flyers); Cuộc thi Vô địch Toefl Primary, ... [H5-5.2-03].

Mức 3:

Trên cơ sở kết quả những năm học trước, trường thực hiện việc đánh giá những mặt đạt được, hạn chế còn tồn tại để từ đó đề ra các nội dung điều chỉnh, bổ sung trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Qua đó, trường luôn duy trì và nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh [H1-1.6-02]; [H1-1.4-08]; [H5-5.1-04].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch hoạt động chuyên môn được nhà trường xây dựng rõ ràng, cụ thể theo học kỳ, tháng, tuần nhằm thực hiện tốt chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Giáo viên luôn đảm bảo chuẩn kiến thức kỹ năng, yêu cầu cần đạt; nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức phù hợp với từng đối tượng học sinh, đáp ứng khả năng nhận thức và yêu cầu phát triển bền vững trong điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.

3. Điểm yếu

Một vài giáo viên trẻ còn hạn chế trong việc vận dụng linh hoạt các kỹ

thuật, phương pháp dạy học mới. Bên cạnh đó, giáo viên lớn tuổi còn gặp khó khăn trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào việc dạy và học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục xây dựng kế hoạch chuyên môn rõ ràng, cụ thể, chỉ đạo giáo viên đảm bảo dạy đúng chuẩn kiến thức, kỹ năng để thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông. Năm học 2022-2023 và những năm tiếp theo, phó hiệu trưởng tăng cường chỉ đạo các tổ trưởng chuyên môn đặc biệt chú trọng việc hướng dẫn cho các giáo viên tập sự về đổi mới hình thức, phương pháp dạy học tích cực; định hướng hoạt động của câu lạc bộ tin học trong việc hướng dẫn cho giáo viên lớn tuổi ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học.

Tự đánh giá: Đạt Mức 1.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác.

Mức 1:

a) Đảm bảo theo kế hoạch;

b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;

c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.

Mức 2:

Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Căn cứ vào kế hoạch chung của năm học, nhà trường đã phối hợp tốt với các đoàn thể trong trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giáo dục ngoài giờ lên lớp cho các em, các hoạt động ngoài giờ lên lớp được tổ chức thực hiện

tốt, tạo được hiệu quả trong công tác giáo dục toàn diện học sinh [H5-5.3-01].

b) Nhà trường tổ chức nhiều hình thức hoạt động ngoài giờ lên lớp phù hợp với lứa tuổi và nhu cầu của học sinh, tạo được sự hứng thú cho các em, góp phần nâng cao chất lượng học tập và rèn luyện đạo đức cho học sinh: sinh hoạt chủ điểm các ngày lễ hội, thăm và giới thiệu di tích lịch sử địa phương; giáo dục kỹ năng sống cho học sinh qua các hoạt động trang trí lớp, trồng và chăm sóc cây xanh, tham gia trò chơi dân gian, tổ chức các hội thi: vẽ tranh, văn nghệ, làm thiệp, trang trí cảnh mai; ngày hội “Em tập viết đúng, viết đẹp” tại trường, ngày hội “Ngôi trường tiểu học của em”, ngày hội “Xuân yêu thương”, ngày hội “Em yêu khoa học”, Lễ giỗ Quốc tổ Hùng Vương, các hoạt động ngoại khóa [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

c) Các hoạt động giáo dục đều có kế hoạch tổ chức, phân công lực lượng giáo viên, nhân viên tham gia hỗ trợ với mục tiêu thu hút tất cả học sinh tham gia. Tuy nhiên, các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp chưa đảm bảo được tất cả học sinh tham gia [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

Mức 2:

Trường đã tổ chức nhiều hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, trải nghiệm, tham quan ngoại khóa, giáo dục truyền thống như: Thăm đền vua Hùng, Bến Nhà Rồng, tượng đài liệt sĩ Trần Văn Ôn, ... tạo không khí sôi nổi thu hút được nhiều học sinh tham gia, mỗi hoạt động đều đạt hiệu quả giáo dục tốt. Tuy nhiên, các hoạt động này chưa thể huy động 100% học sinh tham gia [H1-1.1-05]; [H1-1.8-03]; [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

Mức 3:

Nhà trường tổ chức các hoạt động với nội dung và hình thức phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh như thành lập các câu lạc bộ võ thuật, thể dục nhịp điệu, ... giúp các em rèn luyện kỹ năng, phát triển năng lực sở trường của bản thân [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giáo dục được nhà trường tổ chức theo kế hoạch với các hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi học sinh, được các em

tham gia tích cực. Chính vì thế, các hoạt động giáo dục của nhà trường luôn đạt kết quả cao.

3. Điểm yếu

Ở một số hoạt động ngoại khóa cần sự hỗ trợ kinh phí từ phụ huynh chưa thu hút được 100% số lượng học sinh đăng ký tham gia.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024-2025, tiếp tục duy trì và phát huy việc tổ chức cho học sinh tham quan tìm hiểu các di tích lịch sử địa phương; vận động các mạnh thường quân, Ban đại diện cha mẹ học sinh, đoàn thể hỗ trợ cho những học sinh có hoàn cảnh khó khăn được tham gia các hoạt động tham quan học tập ngoại khóa.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Mức 1:

- a) *Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;*
- b) *Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;*
- c) *Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định;*

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh, thực hiện báo cáo, phối hợp tốt với địa phương đảm bảo thực hiện công tác phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi [H1-1.5-01]; [H5-5.4-01].

- b) Nhà trường thực hiện tốt công tác tuyển sinh, phối hợp với địa phương

rà soát, vận động, đưa trẻ ra lớp theo chỉ tiêu của Phòng Giáo dục và Đào tạo phân bổ, kế hoạch tuyển sinh được thông báo đến địa phương, giấy gọi học sinh ra lớp được gửi đến từng hộ dân trong địa bàn theo danh sách điều tra của chuyên trách phổ cập, đảm bảo 100% trẻ trong độ tuổi ra lớp. Tổ chức thực hiện tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường” [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02].

c) Nhà trường quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đầy đủ, nghiêm túc [H5-5.4-01]; [H5-5.4-03].

Mức 2:

Nhiều năm liền, nhà trường luôn có tỷ lệ tuyển sinh trẻ 06 tuổi vào lớp 1 đạt 100% [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02].

Mức 3:

Nhà trường luôn thực hiện tốt việc duy trì tỷ lệ trẻ 06 tuổi vào lớp 1 của trường đảm bảo 100%. Tuy nhiên, trường còn gặp khó khăn trong công tác vận động một vài trường hợp học sinh khuyết tật học hòa nhập ở lớp 1 [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02].

2. Điểm mạnh

Hằng năm, nhà trường tổ chức thực hiện tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”, huy động 100% trẻ trong độ tuổi được đi học, tạo được sự đồng tình, hưởng ứng tốt từ cha mẹ học sinh.

3. Điểm yếu

Trường còn gặp khó khăn trong công tác vận động học sinh khuyết tật học hòa nhập vào lớp 1.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024-2025 và các năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục phối hợp chặt chẽ với địa phương, các cơ quan đoàn thể trên địa bàn để thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục như xác minh danh sách trẻ đúng độ tuổi vào lớp 1, tìm hiểu hoàn cảnh của các em học sinh khuyết tật học hòa nhập để có biện pháp vận động và duy trì sĩ số; tạo mọi điều kiện thuận lợi để học sinh khuyết tật học hòa nhập được đến lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;
- b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;
- c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%

Mức 2:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện, kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Hằng năm, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt từ 98% trở lên [H5-5.5-01].
- b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học hằng năm là 100% [H5-5.5-02].
- c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100% [H5-5.5-02].

Mức 2:

- a) Nhiều năm liền, nhà trường có tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học trên 98% [H5-5.5-01].
- b) Nhiều năm liền, tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học

của trường luôn đạt 100% [H5-5.5-02].

Mức 3:

a) Nhiều năm liền, nhà trường có tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học trên 98%. Tuy nhiên, nhà trường vẫn còn tỷ lệ học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học [H5-5.5-01]

b) Nhiều năm liền, tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học của trường luôn đạt 100% [H5-5.5-02].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học, chương trình tiểu học cao và tỷ lệ này được duy trì khá tốt.

3. Điểm yếu

Nhà trường vẫn còn tỷ lệ học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo bộ phận chuyên môn nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục, hạn chế thấp nhất tỷ lệ học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Kế hoạch giáo dục của trường đảm bảo tốt mục tiêu giáo dục toàn diện; tổ chức tốt các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

Trường xây dựng thời khoá biểu, tổ chức dạy học đúng, đủ theo phân phối chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với tình hình, đặc điểm của trường; thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh.

Trường phối hợp chặt chẽ cùng địa phương tổ chức thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục tiểu học; tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 trên địa bàn phường luôn đảm bảo 100%.

Điểm yếu cơ bản:

Nhà trường vẫn còn tỷ lệ học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học, tập trung chủ yếu ở lớp 1.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 5/5

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/5

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Qua việc đối chiếu với tổng số 81 chỉ báo của 27 tiêu chí trong 5 tiêu chuẩn theo quy định, Trường Tiểu học Trần Văn Ôn tự đánh giá như sau:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1:

Số lượng đạt: 27/27, tỷ lệ 100%

Số lượng không đạt: 00/27, tỷ lệ 0%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 2:

Số lượng đạt: 11/27, tỷ lệ 40,74%

Số lượng không đạt: 16/27, tỷ lệ 59,26%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 3:

Số lượng đạt: 02/19, tỷ lệ 10,53%

Số lượng không đạt: 17/19, tỷ lệ 89,47%

- Mức đánh giá của cơ sở giáo dục: Mức 1

Căn cứ theo Điều 7, Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, Trường Tiểu học Trần Văn Ôn tự đánh giá đạt: Cấp độ 1 về Kiểm định chất lượng giáo dục.

Thông qua công tác kiểm định chất lượng giáo dục, trường xác định được điểm mạnh, điểm yếu trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục, xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển một cách cụ thể hơn về công tác tổ chức quản lý nhà trường; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; đảm bảo việc thực hiện các chương trình và hoạt động giáo dục; cải cách công tác hành chính, quản lý tài chính và cơ sở vật chất; tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường và cha mẹ học sinh; phát huy hiệu quả các hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục toàn diện.

Trên đây là báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của Trường Tiểu học Trần Văn Ôn, rất mong nhận được sự quan tâm, hướng dẫn của các cấp quản lý

giáo dục, sự phối hợp của địa phương và cha mẹ học sinh để trường tiếp tục phát huy những ưu điểm, khắc phục những hạn chế./.

Tân Bình, ngày 15 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Hồ Thị Trúc Linh

Phần IV. PHỤ LỤC
BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Nơi lưu trữ
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	Giai đoạn 2021-2026	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Biên bản niêm yết công khai Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.1-03]	Kế hoạch năm, tháng, tuần của tổ chuyên môn	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Tổ trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng
	4	[H1-1.1-04]	Kế hoạch năm học	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

	5	[H1-1.1-05]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 1.2	6	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập hội đồng trường	Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Văn thư
	7	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập hội đồng thi đua khen thưởng	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Văn thư
	8	[H1-1.2-03]	Quyết định thành lập hội đồng tuyển sinh	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Văn thư
	9	[H1-1.2-04]	Quyết định thành lập hội đồng chấm sáng kiến	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Văn thư
	10	[H1-1.2-05]	Quyết định thành lập hội đồng ra đề, coi và chấm kiểm tra	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Văn thư

	11	[H1-1.2-06]	Biên bản họp hội đồng sư phạm	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Thư ký Hội đồng
Tiêu chí 1.3	12	[H1-1.3-01]	Quyết định chuẩn y ban chấp hành Công đoàn. Danh sách công đoàn viên trường	Nhiệm kì 2017-2022	Liên đoàn Lao động quận Tân Bình	Chủ tịch Công đoàn
	13	[H1-1.3-02]	Quyết định chuẩn y ban chấp hành Chi đoàn. Danh sách đoàn viên trường	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Chi đoàn	Bí thư Chi đoàn
	14	[H1-1.3-03]	Quyết định chuẩn y ban chỉ huy Liên đội. Quyết định thành lập Sao nhi đồng Hồ Chí Minh	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hội đồng đội	Tổng phụ trách Đội
	15	[H1-1.3-04]	Danh sách Chi hội Khuyến học nhà trường	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Chi hội trưởng	Chi hội trưởng
	16	[H1-1.3-05]	Chương trình hoạt động trong năm của Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội	Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội

	17	[H1-1.3-06]	Báo cáo, thang điểm thi đua của Công đoàn trường	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Ban chấp hành Công đoàn	Ban chấp hành Công đoàn
	18	[H1-1.3-07]	Báo cáo của Chi đoàn	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Ban chấp hành Chi đoàn	Ban chấp hành Chi đoàn
	19	[H1-1.3-08]	Báo cáo của Liên đội	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
	20	[H1-1.3-09]	Quyết định chuẩn y Bí thư Chi bộ trường Tiểu học Trần Văn Ôn	Nhiệm kỳ 2017-2020 Nhiệm kỳ 2020-2022 Nhiệm kỳ 2022-2025	Đảng ủy Phường 8	Chi bộ
	21	[H1-1.3-10]	Biên bản sinh hoạt Chi bộ	Năm 2018 Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022	Chi bộ	Chi bộ
	22	[H1-1.3-11]	Báo cáo và phương hướng lãnh đạo của chi bộ	Nhiệm kỳ 2017-2020 Nhiệm kỳ 2020-2022 Nhiệm kỳ 2022-2025	Chi bộ	Chi bộ
	23	[H1-1.3-12]	Quyết định đánh giá,	Năm 2018	Đảng ủy	Chi bộ

			phân loại chất lượng tổ chức cơ sở Đảng	Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022	Phường 8	
	24	[H1-1.3-13]	Hình ảnh hoạt động của Công đoàn, Chi đoàn và Liên đội	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Công đoàn, Chi đoàn và Liên đội	Chủ tịch Công đoàn Bí thư Chi đoàn Tổng phụ trách
Tiêu chí 1.4	25	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Quyết định số 229/QĐ- UBND-NS ngày 01/9/2021 Quyết định số 334/QĐ- UBND-NS ngày 30/12/2019	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Hiệu trưởng
	26	[H1-1.4-02]	Quyết định phân công tổ chuyên môn và tổ văn phòng	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	27	[H1-1.4-03]	Kế hoạch hoạt động theo tháng, năm học của tổ văn phòng	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Tổ trưởng tổ văn phòng	Tổ trưởng tổ văn phòng
	28	[H1-1.4-04]	Biên bản họp tổ chuyên môn	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Tổ trưởng chuyên môn	Tổ trưởng chuyên môn

				Năm học 2021-2022		
	29	[H1-1.4-05]	Biên bản họp tổ văn phòng	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Tổ trưởng tổ văn phòng	Tổ trưởng tổ văn phòng
	30	[H1-1.4-06]	Hồ sơ thực hiện các chuyên đề	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 1.5	31	[H1-1.5-01]	Sổ đăng bộ	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Văn thư	Văn thư
	32	[H1-1.5-02]	Danh sách học sinh theo từng năm học	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Văn thư	Văn thư
	33	[H1-1.5-03]	Sổ chủ nhiệm	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Giáo viên	Giáo viên
	34	[H1-1.5-04]	Hình ảnh hoạt động dạy-học của giáo viên	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng

				Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022		
Tiêu chí 1.6	35	[H1-1.6-01]	Sổ quản lý các văn bản, công văn (đi-đến)	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Văn thư	Văn thư
	36	[H1-1.6-02]	Bảng tổng hợp đánh giá học sinh	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Văn thư	Văn thư
	37	[H1-1.6-03]	Học bạ của học sinh	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Văn thư	Văn thư
	38	[H1-1.6-04]	Sổ quản lý tài sản; Sổ theo dõi công cụ, dụng cụ, vật rẻ tiền mau hỏng	Năm 2018 Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022	Kế toán	Kế toán
	39	[H1-1.6-05]	Sổ theo dõi tài sản, tài chính	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Kế toán	Kế toán

	40	[H1-1.6-06]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	41	[H1-1.6-07]	Quy chế chi tiêu nội bộ	Năm 2018 Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022	Hiệu trưởng - Kế toán - Chủ tịch Công đoàn	Hiệu trưởng
	42	[H1-1.6-08]	Biên bản thanh lý tài sản	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Kế toán	Kế toán
	43	[H1-1.6-09]	Chương trình phần mềm quản lý cán bộ, viên chức	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Giáo viên phụ trách	Giáo viên phụ trách (thầy Nhân)
	44	[H1-1.6-10]	Trang thông tin điện tử của trường	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Giáo viên phụ trách	Giáo viên phụ trách (thầy Nhân)
	45	[H1-1.6-11]	Báo cáo của Ban Thanh tra nhân dân	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Trưởng ban Thanh tra nhân dân	Trưởng ban Thanh tra nhân dân

				Năm học 2021-2022		
	46	[H1-1.6-12]	Biên bản kiểm tra tài chính	Năm 2018 Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022	Kế toán	Kế toán
Tiêu chí 1.7	50	[H1-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên giáo viên	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	51	[H1-1.7-02]	Quyết định phân công cán bộ, giáo viên, nhân viên	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Văn thư	Văn thư
	52	[H1-1.7-03]	Hồ sơ giáo viên, nhân viên	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.8	54	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Tổng phụ trách
	55	[H1-1.8-02]	Thời khóa biểu	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng

				Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022		
	56	[H1-1.8-03]	Kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.9	57	[H1-1.9-01]	Quy chế dân chủ cơ sở	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	58	[H1-1.9-02]	Hồ sơ hội nghị cán bộ, công chức, viên chức	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Ban Chấp hành Công đoàn	Ban Chấp hành Công đoàn
Tiêu chí 1.10	59	[H1-1.10-01]	Phương án chữa cháy Phương án cứu nạn cứu hộ	Năm 2018 Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
	60	[H1-1.10-02]	Hồ sơ xây dựng trường học an toàn, an ninh trật tự	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng Y tế	Y tế

	61	[H1-1.10-03]	Kế hoạch về việc đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm trong trường học	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Y tế
	62	[H1-1.10-04]	Phương án phòng chống ngộ độc thực phẩm	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Y tế
	63	[H1-1.10-05]	Giấy xét nghiệm nước	Năm 2018 Năm 2019 Năm 2020 Năm 2021 Năm 2022	Trung tâm y tế Tân Bình	Y tế
	64	[H1-1.10-06]	Hợp đồng cung cấp nước uống	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Công ty nước Hoàng Minh	Hiệu trưởng
	65	[H1-1.10-07]	Kế hoạch tuyên truyền, phòng chống dịch bệnh học đường (sốt xuất huyết, tay, chân miệng)	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Y tế	Y tế
	66	[H1-1.10-08]	Hồ sơ khám sức khỏe của học sinh	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Y tế	Y tế

				Năm học 2021-2022		
	67	[H1-1.10-09]	Hợp đồng cung cấp thực phẩm, giấy phép đủ điều kiện, vệ sinh an toàn thực phẩm	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Y tế
	68	[H1-1.10-10]	Biên bản kiểm tra y tế, bán trú	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Đơn vị kiểm tra	Y tế
	69	[H1-1.10-11]	Hình ảnh hộp thư, nội quy và lịch tiếp dân	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	70	[H1-1.10-12]	Hình ảnh tuyên truyền, sinh hoạt với học sinh về phòng chống tai nạn, thương tích, phòng chống bạo lực học đường	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Y tế	Y tế
	71	[H1-1.10-13]	Hình ảnh tuyên truyền cho học sinh về bạo lực học đường, an ninh trật tự	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Tổng phụ trách Đội	Tổng phụ trách Đội
Tiêu chí 2.1	72	[H2-2.1-01]	Hồ sơ cá nhân của	Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

			Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng			
	73	[H2-2.1-02]	Kết quả đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Phòng Giáo dục và Đào tạo Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	74	[H2-2.1-03]	Giấy chứng nhận các lớp bồi dưỡng, tập huấn của cán bộ quản lý	Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	75	[H2-2.1-04]	Hồ sơ đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.2	76	[H2-2.2-01]	Bảng thống kê số liệu tình hình đội ngũ	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	77	[H2-2.2-02]	Bảng tổng hợp đánh giá viên chức cuối năm	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	78	[H2-2.2-03]	Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

			viên	Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022		
Tiêu chí 2.3	79	[H2-2.3-01]	Hồ sơ đánh giá công chức, viên chức	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	80	[H2-2.3-02]	Quyết định giao số người làm việc hằng năm	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Ủy ban nhân dân quận Tân Bình	Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.4	81	[H2-2.4-01]	Danh sách Đội Sao đỏ	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
	82	[H2-2.4-02]	Hình ảnh tuyên dương, khen thưởng cá nhân, tập thể lớp	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
Tiêu chí 3.1	83	[H3-3.1-01]	Ảnh chụp khuôn viên có cây xanh trong trường	Năm học 2021-2022	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
	84	[H3-3.1-02]	Ảnh chụp cổng trường (chính, phụ),	Năm học 2021-2022	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách

			hình ảnh mặt trước của trường			
	85	[H3-3.1-03]	Sơ đồ tổng thể và từng khu của trường	Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	86	[H3-3.2-01]	Hình ảnh lớp học	Năm học 2021-2022	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
	87	[H3-3.2-02]	Hình ảnh trang trí lớp học	Năm học 2021-2022	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
	88	[H3-3.2-03]	Hình ảnh bàn ghế lớp học	Năm học 2021-2022	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
	89	[H3-3.2-04]	Hình ảnh trang trí lớp học	Năm học 2021-2022	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
Tiêu chí 3.3	90	[H3-3.3-01]	Hình ảnh phòng tin học, thư viện, thiết bị, Đoàn - Đội	Năm học 2021-2022	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
	91	[H3-3.3-02]	Hình ảnh khối văn phòng	Năm học 2021-2022	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
	92	[H3-3.3-03]	Hình ảnh nhà xe giáo viên	Năm học 2021-2022	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
Tiêu chí 3.4	93	[H3-3.4-01]	Hình ảnh các khu nhà vệ sinh	Năm học 2021-2022	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
	94	[H3-3.4-02]	Hóa đơn thanh toán nước máy	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Công ty cung cấp nước	Y tế
	95	[H3-3.4-03]	Hình ảnh “Hướng dẫn phân loại rác tại nguồn”	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020	Chi đoàn	Chi đoàn

				Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022		
	96	[H3-3.4-04]	Hợp đồng thu gom rác	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Kế toán	Kế toán
Tiêu chí 3.5	97	[H3-3.5-01]	Danh mục thiết bị dạy học của nhà trường	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Thư viện – Thiết bị	Thư viện – Thiết bị
	98	[H3-3.5-02]	Sổ đăng ký mượn đồ dùng dạy học	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Thư viện – Thiết bị	Thư viện – Thiết bị
	99	[H3-3.5-03]	Sổ theo dõi giáo viên tự làm đồ dùng dạy học hằng năm	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Thư viện – Thiết bị	Thư viện – Thiết bị
	100	[H3-3.5-04]	Biên bản kiểm kê thiết bị	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Thư viện – Thiết bị	Thư viện – Thiết bị
	101	[H3-3.5-05]	Sổ lưu chứng từ mua	Năm học 2017-2018	Thư viện –	Thư viện –

			đồ dùng dạy học	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Thiết bị	Thiết bị
Tiêu chí 3.6	102	[H3-3.6-01]	Sổ đăng kí báo, tạp chí	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Thư viện – Thiết bị	Thư viện – Thiết bị
	103	[H3-3.6-02]	Kế hoạch hoạt động Thư viện – Thiết bị	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Thư viện – Thiết bị	Thư viện – Thiết bị
	104	[H3-3.6-03]	Sổ theo dõi việc cho mượn sách	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Thư viện – Thiết bị	Thư viện – Thiết bị
	105	[H3-3.6-04]	Sổ đăng kí cá biệt	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Thư viện – Thiết bị	Thư viện – Thiết bị
	106	[H3-3.6-05]	Chứng nhận thư viện tiên tiến	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Thư viện – Thiết bị

	107	[H3-3.6-06]	Hóa đơn mua sách báo hoặc phiếu xuất, nhập kho	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Thư viện – Thiết bị	Thư viện – Thiết bị
Tiêu chí 4.1	108	[H4-4.1-01]	Danh sách Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	109	[H4-4.1-02]	Biên bản họp cha mẹ học sinh	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Ban đại diện cha mẹ học sinh	Hiệu trưởng
	110	[H4-4.1-03]	Hồ sơ Đại hội đại biểu cha mẹ học sinh	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Ban Đại diện cha mẹ học sinh	Hiệu trưởng
	111	[H4-4.1-04]	Danh sách học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhận học bổng, quà Tết	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Chi hội khuyến học	Chi hội khuyến học
Tiêu chí 4.2	117	[H4-4.2-01]	Hình ảnh các buổi sinh hoạt kỷ niệm lịch sử, thăm viếng đền liệt sĩ.	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách

				Năm học 2021-2022		
Tiêu chí 5.1	118	[H5-5.1-01]	Kế hoạch giảng dạy kỹ năng sống cho học sinh	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
	119	[H5-5.1-02]	Hồ sơ học sinh khuyết tật học hòa nhập	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.2	120	[H5-5.2-01]	Kế hoạch giảng dạy của tổ, khối (lịch báo giảng)	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Tổ trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng
	121	[H5-5.2-02]	Sổ dự giờ của giáo viên	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Giáo viên	Giáo viên
	122	[H5-5.2-03]	Kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, rèn luyện học sinh chưa hoàn thành nội dung môn học, giáo dục	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Tổ trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 5.3	123	[H5-5.3-01]	Hình ảnh học sinh	Năm học 2017-2018	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách

			tham gia các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp	Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Đội	Đội
	124	[H5-5.3-02]	Hình ảnh tham gia chăm sóc di tích lịch sử địa phương	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Tổng phụ trách Đội	Tổng phụ trách Đội
Tiêu chí 5.4	125	[H5-5.4-01]	Hồ sơ tuyển sinh lớp 1 hằng năm	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Hiệu trưởng	Văn thư
	126	[H5-5.4-02]	Hình ảnh tổ chức “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Chi đoàn	Bí thư chi đoàn
	127	[H5-5.4-03]	Danh sách học sinh chuyển đi, chuyển đến	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Văn thư	Văn thư
Tiêu chí 5.5	128	[H5-5.5-01]	Hồ sơ xét duyệt hoàn thành chương trình lớp học	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng

	129	[H5-5.5-02]	Danh sách hoàn thành chương trình tiểu học	Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019 Năm học 2019-2020 Năm học 2020-2021 Năm học 2021-2022	Phó hiệu trưởng	Văn thư
--	-----	-------------	--	---	--------------------	---------